

TRİ TÂN

TÒA BAO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- | | |
|---|----------------|
| * Tục-ngữ Ca-đạo, nguồn văn liệu rất phong phú | Hoa-Bằng |
| * Ca dao mới | Song Cối |
| * Kể sĩ của thời xưa qua phong dao | Phạm-mạnh-Phan |
| * Tục-ngữ Ta đối với Tục-ngữ Tàu và Tục-ngữ Tây (hết) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Sức sống dân Việt-nam trong Ca-đạo và Cổ tích (hết) | Ng -đình-Thị |
| * Làng và phong dao | Liên-Giang |
| * Ca dao, một yếu tố của đại chúng văn học | Kiều-thanh-Quế |
| * Xét việc làm ruộng của ta trong các câu ca dao | Khái Sinh |
| * Tiếng vang của non cao, rừng thẳm (hết) | Nhật-Nham |

0 \$ 50

ĐẶC SAN VỀ

Tục-ngữ và Phong-dao

(TẬP THỨ HAI)

TỤC-NGŨ CA-DAO

NGUỒN VĂN LIỆU RẤT PHONG PHÚ

HOA-BẰNG

Kỳ này tôi nói đến cái công lớn của Tục-ngữ, Ca-dao: làm điền-cổ cho văn-chương, làm tài liệu cho các nhà cầm bút, khiến văn thơ thêm vẻ bóng - bẩy thâm - trầm nhưng vẫn nhẹ nhàng bình-dị, nâng trình-độ văn - học lên nấc phổ thông khắp vòng dân-chúng.

Sự áp-dụng tục-ngữ, ca-dao vào trong văn thơ, chẳng những đời sau mới làm, mà ngay đời xưa, nhiều nhà văn ta cũng đã thực hành rồi.

Cái lối « lấy chữ » trong ca-dao tục-ngữ này rất tiện cho việc hành văn, vì tác-giả muốn diễn tả một việc dài dòng, một ý trừu-tượng, nếu biết dùng ngay một vài chữ ca-dao tục-ngữ là món văn-tự đã phổ-cập đại-chúng rồi thì lời không tốn mà ý dễ đạt; cho nên những cây bút có tài thường sở trường về lối sử-dụng ca-dao, tục ngữ.

Trong truyện Kiều có chỗ báo ân báo oán tả một tình-tiết rất phức-tạp là việc Kiều « vợ » được Hoạn-thư sau khi Kiều đã sánh duyên với khách « hàm én mây ngải » có « mười vạn tinh binh », có « tinh rợp trời », có « loa dậy đất ».

Ta thử tưởng-tượng: khi Kiều còn ở nhà Hoạn, Kiều chỉ như một hoa nô, một kẻ áo xanh hầu-

hạ; còn Hoạn thư, đường đường một bà chủ nhà, thừa oai-quyền, thừa thế-lực. Ai có dè dặt. Kiều sau này lại có cơ-hội bắt được Hoạn-thư đến dưới trướng bùm mà báo oán được. Một sự không ngờ: sau Kiều làm nên vợ một ông tướng quát thét riêng một non sông; còn Hoạn-thư thì lại là một tên tù dưới thêm, cùng Khuyển Ung chịu chung những nỗi lo âu hồi-hộp.

Trường-hợp đặc-biệt là thế, tình-tiết hi-kỷ là thế. Thi-sĩ Nguyễn Du chỉ mượn mấy tiếng trong câu tục - ngữ mà vượt được bao nỗi khó-khăn:

*Vợ chàng quý quái tình - ma,
Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau!*

« Bà già » là hạng già yếu lẫn-căn; « kẻ cắp » là phường quỷ-quyet tinh-ran: hai bên rất khó gặp nhau, nghĩa là bà già không mấy khi bắt được kẻ cắp. Cũng ví như Kiều, sau khi rời gác chếp kinh, phong trần luân lạc, ngờ đâu còn có ngày bắt được « vợ chàng » Thúc là kẻ « quý quái tình ma » như ngày ấy nữa! Vậy thì khi Kiều vợ được Hoạn-thư thà: nào « bà già bắt được kẻ cắp », thật là một sự tình-cờ hiếm có. Tác-giả truyện Kiều chỉ dùng bốn chữ « Kẻ cắp bà già », làm cho câu văn nổi bật và linh động biết bao!

Đó, cái lối lấy chữ tục-ngữ ca-dao có tiện - lợi, có hay-ho cho văn-chương là thế.

Nhưng nay thử xét xem cái lối dùng tục-ngữ ca dao làm văn-liệu như thế có từ bao giờ.

Muốn trả lời câu hỏi đó cho thật đúng chắc, thiết tưởng là một việc khó thể làm được.

Nhưng theo chỗ tôi thấy thì có lẽ bắt đầu từ hai truyện rất cổ viết bằng văn vần, ấy là truyện *Tré, Cóc* và truyện *Trình-thử*.

Cứ như lời bàn của Tôn-ám Bùi Huy-Bích thì truyện *Tré Cóc* là do một gia-khách nhà An-sinh vương Liễu, ngang đời với vua Trần Thái-Tông (1225-1258), làm ra để bóng gió về việc vợ An-sinh vương đang có mang bị Trần Thủ-Độ ép gả cho vua Trần Thái.

Còn truyện *Trình-thử*? Theo như chỗ đề ở ngoài bia các bản cũ thì tác-giả truyện này là « Trần triều xữ-sĩ Hồ Huyền-Quy », nội dung truyện có ý ám-chỉ vào việc Hồ Quý Ly là tay gian-tà chực kéo người trung-trình vào bẽ-dạng để gây lã: vầy cánh là n lợi cho mình.

Nếu hai truyện ấy quả là sản phẩm đời Trần (1225-1399), thì nay ta có thể coi đó là những truyện nôm đầu tiên đã dùng tục-ngữ ca-dao làm văn liệu.

Truyện Tré cóc có những câu như :

Lệ rằng : « quan pháp như lời,
« Chỉ đầu đánh đấy chẳng đũa
là lành ».

Và :

« Éch rằng : « Đồng trắng nước trong
« Tôi đây tiếng cả nhà không có gì ! »

Câu trên lấy chữ ở câu tục-ngữ « Thiên lời chỉ đầu đánh đấy », tỏ rằng anh linh lệ chỉ biết vâng lệnh thừa hành, chứ không biết động-cơ và nguyên ủy công-chuyện ra sao cả.

Câu dưới muốn vẽ một bức hoạt họa về Éch, bèn dùng ngay bốn chữ « tiếng cả nhà không » của tục ngữ thì thật tuyệt diệu, vì Éch lúc nào cũng chỉ đồng-độc om-xòm, có tiếng to hão thôi, chứ nhà cửa thì vẫn rỗng tuếch !

Trong truyện Trinh thử, có khi tác-giả xếp nguyên cả hai câu phong-dao vào một chỗ, như :

« Kinh nghệ vui thú kinh-
nghê,
« Tép tôm thì lại vui bề
tép tôm. »

Ý nói loài nào đi loài ấy, không cứ to hay nhỏ, sang hay hèn, mỗi loài có một cái thú để vui riêng.

Lại có khi tác-giả đảo lên lộn xuống, cả câu tục-ngữ để tỏ ra mình dù có ăn của người xưa mà vẫn tiêu-hóa được :

« Thà ăn cây ngáy o-o,
« Còn hơn ngay-ngáy ăn bô
làm chi ! »

Đó là phỏng theo câu « ăn bô,

lo ngay ngáy ; ăn sây. ngáy o-o » mà thi-hóa đi vậy.

Cứ qua mấy câu làm lệ, đủ biết cổ-nhân đã trước chúng ta mà ứng dụng cái lối « lấy chữ » hoặc « dùng điển » trong ca dao, tục ngữ rồi.

Rồi theo cái gương xưa, nhiều

Năm liêu bảy lĩnh cũng không câu ;
(Tú Xương)

« Đầu trọc lơ lửng với,
Nhảy tót lên chùa ngớt ; »
(Yên đồ)

« Nòng nọc dọt đuôi từ đặng nhĩ,
Nghêu vảng khôn chuộc dầu bôi với »
(Xuân Hương)

Nếu không sợ dài giòng, chắt chỗ tôi còn có thể dẫn thêm bài phú cổ động cái lòng của cụ Nguyễn Mai - Sơn đề các bạn thưởng thức một bài phú viết toàn bằng chữ ca dao tục ngữ nữa.

Sau khi xét sơ những thơ văn xưa, ta thấy các bậc tiền-hiền đều khéo vận dụng những câu ca-dao tục-ngữ để làm văn liệu, nên thơ văn lớp trước có vẻ dân-hóa, dễ phổ-cập trong vòng đại-chúng ; nhờ thế nhiều bài thơ đẹp vẫn hay cứ truyền qua cửa miệng đời nọ đến đời kia, bao giờ cũng vẫn tươi tươi còn mãi.

Thế hệ ngày nay hình như chỉ say-sưa mãi miết đi tìm hương sắc lạ, đến nỗi có lắm nhà văn « đứt gốc » quên lửng cả cái di sản của ông cha, không biết lợi

dụng cái hay, cái tốt trong kho ca dao tục ngữ để tô điểm cho trang quốc văn, gây dựng lấy nền quốc học : há chẳng đáng tiếc ?

Phải chăng bây giờ chính là lúc ta nên đồng thời lựa chọn lấy cái tinh hoa cổ hữu và nhặt lượm lấy cái tốt đẹp bốn phương ? H. B.

CA-DAO MỚI

I

Đêm qua, trời nóng như rang,
Anh càng trần-trọc, dạ càng chua cay !
Em ơi ! anh hỏi câu này :
Mong mưa, mưa đã đến ngày mưa
chưa ?

II

Vì ai nên nổi dờ-dang !
Vì ai gần-bỏ cho nàng long-đong !
Thối đừng làm mướn không công,
Thối về liệu kiếm tấm chồng, lấy con.

III

Em đây dòng giống con nhà,
Kể chi nhàn-sả : nết-na hơn người.
Anh yêu, yêu miêng, yêu môi,
Cả nghe anh nữa sau rồi làm sao !

IV

Cùng nhau nên cửa. nên nhà,
Bao phen rau cháo có ta, có mình.
Giờ chàng áo tốt, cơm lành,
Đề em mặt bưng mây xanh thế này !
SONG-CỐI

nhà thơ sau thường có cái bút pháp ấy :

« Mặt cửa mướt đặng đôi bên một
phường ; »
(Kiều)

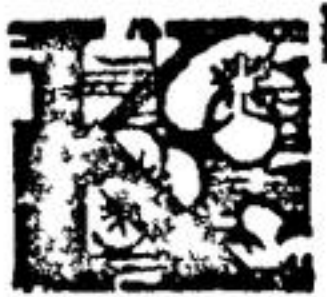
« Ai hay chớa quý mưu thần ;
(Lục Vân-Tiên)

« Một vó : bèo lời mong ca lái,

CÁI MỘNG CÔNG HẦU HAY LÀ

KẾ SỸ CỦA THỜI XUA
QUA PHONG ĐẠO

PHẠM-MẠNH-PHAN



Đến từ khi họ Hồng-bàng sáng lập ra nước ta, năm 2879 trước Thiên

Chúa giáng sinh cho tới đời vua Lê Nhân tôn (1072-1127) nước ta mới bắt đầu định phép học phép thi cho các sĩ phu trong nước mà ién chọn các nhân tài để bổ dụng trong việc giữ nước trị dân.

Các sĩ tử nước lòng học tập vì trên nhà vua khuyến khích dưới dân gian hưởng ứng.

Giữa thế kỷ thứ mười một năm 1070 vua Lý Thánh tôn (1054-1072) đã nêu gương sáng tỏ lòng mộ đạo thánh hiền mà cho lập văn miếu ở Thăng Long để tôn sùng Khổng giáo. Và vua Lý Nhân tôn năm 1076 cho lập Quốc tử giám để lo đào tạo nhân tài.

Từ khoa thi đầu tiên ở nước ta, tức khoa minh kinh bác học năm Thái ninh ất mãn (1075) cho tới lúc bãi khoa thi hương ở Bắc kỳ (1915) và khoa chót ở Trung kỳ (1918) để kết cợ chế độ thi cử cũ, trải qua Lý, Trần, Lê, Nguyễn, các bậc vua chúa đã tận tâm săn sóc khai hóa dân chúng mở mang việc học để các bậc sĩ phu trong nước ganh trí đua tài.

Nào vua Trần Thái tôn (1225-1258) mở ra khoa thi thái học sinh năm Kiên-trung nhâm thìn (1232)

kén chọn các bậc trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa và lập Quốc học viện (1253).

Nào đời hậu Lê thì vua Lê Thái tổ (1428-1433) khuếch trương việc học; vua Lê Thái tôn (1433-1442) định lệ thi hương, thi hội, mở khoa thi tiến sĩ (1442). Vua Lê Thánh tôn (1460-1497) lập ra Tao đàn nhị thập bát tú và dựng bia các ông Nghè ở nhà giám Thăng Long (1484).

Về Nguyễn triều thì đức Gia long (1802-1819) mở khoa thi hương (1807), vua Minh mạng (1820-1840) mở khoa thi hội (1822) và đặt ra Quốc sử quán. Vua Tự đức (1848-1883) một bức để vương tài sĩ, tác giả tập *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* đã đặt ra Tập hiền viện và Khai kinh viện để bàn bạc văn chương. (1)

Trên từ các bậc vương tôn công tử dưới tới các cùng dân trong lũy tre xanh của xóm làng, ai nấy đều ôm mộng lớn những mong phụng sự bút nghiên để được nhuần ơn mưa móc mà « đêm ngày chằm mài sắt nên kim, nhờ đạo thánh hiền công đền sách » (2) cho bố nững ngày tàn khố.

Ở trên đất văn hiến này mà trước kia ai cũng lấy khoa cử làm cái đích duy nhất để bước lên

thang phú quý để trèo tới bực hiên vinh thì lẽ cố nhiên kẻ sĩ ngày đêm mài-mài kinh-sử được mọi người trong đất nước trọng vọng và kính nể.

Trong bốn nghề sĩ, nông, công, thương, bao giờ kẻ sĩ vẫn được đứng đầu coi quý hơn các giới vì ai nấy đều đồng thanh « nhất sĩ, nhì nông ».

Khi kẻ sĩ mới sáu bảy tuổi đã được gia đình chăm nom việc học cho nhập môn theo một ông đồ làng mà kêu gào « nhân chi sơ, tính bản thiện ».

Rồi lần lượt với tháng ngày mà tứ thư (Luận-ngữ, Mạnh-tử, Đại-học, Trung-dụng), ngũ kinh (Thi, Thư, Lễ, Xuân thu, Dịch), học tập nhân, nghĩa, lễ, chí, tin.

Theo đạo Thánh hiền, kẻ sĩ cũng nhập tâm đạo Thánh mà những mong tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ để bằng vàng chói lợi mà :

« Một mai chân bước Cổng, Ngõ, »
« Vinh quy bái tổ ngựa xe đưa mình »
« Bốn phương nức tiếng vang lừng »
« Ngao du bề Thánh vầy vùng rừng Nho. »
« Quyền cao chức trọng giới cho, »
« Bỏ công học lập bốn mùa chức mình »

« Vui đùa bằng hội dề danh. »
« Nghề đầu bằng nghiệp học hành là hơn »

Vì ai nấy chỉ cốt học để làm quan nên sớm hôm gắng sức dùi mài để một ngày lười đẹp được ân hưởng phần vua lộc nước:

« Học trò đèn sách hôm mai,
« Ngày sau thi đỗ nên giai mới hào
« Làm nên quan thấp quan cao,
« Làm nên long tía, võng dàu nghênh ngang. »

Theo chí hướng ấy, theo quan niệm ấy, nên trong gia đình mẹ khuyên con cũng một niềm, căn dặn:

« Con ơi, muốn nên thân người,
« Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha,

« Gái thời giữ biệc trong nhà,
« Khi vào canh cửi khi ra thêu thùa,
« Giai thì đọc sách ngâm thơ,
« Dùi mài kinh sử để chờ kíp khoa,
« Mai sau nối được nghiệp nhà
« Trước là đẹp mặt sau là ấm thân. »

Đã là sĩ tử, ai không mong đường mây nhẹ bước, nên rất mong làm ông Cống ông Nghè đã từng ám ảnh biết bao người mà suốt đời chẳng may cộng đánh lận đẩu phải ngày xanh ôm hận để trí thông minh mòn mỏi với tháng ngày.

Cũng từ thời xưa, nam chuộng kẻ sĩ tiến tới bậc, các gả nhà Nam từ bậc « phong gấm rủ là » tới các cô khấn vương mỗ quạ, răng đen hạt huyền cũng những mong « lam quan tất » mà vênh vang với xóm làng vì theo các cô « một mảnh chồng quan hơn một đàn chồng dân ».

Ôm mộng lớn ấy nên các cô đã hy sinh thân thể cho người bạn trăm năm, hy sinh một cách đẹp để vì các cô:

« Chẳng tham ruộng cả ao sâu,
« Tham về anh Tú lắm râu mà hiền,
« Chẳng tham ruộng cả ao liền
« Tham về cái bút cái nghiên anh đồ »

Cặm rùi sớm hôm nào quản, thân gái vẫn vui lòng xông pha

trong gió bụi, giày giặc với nắng mưa dồ nuôi đức lang quân nên người hiền đạt.

Cũng vì muốn ai ai nên danh nên phận, sự hy sinh của cô gái khi trước đã không bở bến, nên cô sẵn sức tới chông là kẻ sĩ một cách chuyên cần không tiếc lời khuyên:

Triều đình có chiếu thi thư
Khuyến anh đèn sách sớm chưa
học hành
May nhờ phận có công danh
Mà anh phú quý ấy mình về vang
Khuyến đừng giai gái loang toang
Khuyến đừng chè rượu nữa mang

tiếng cười
Cũng đừng cờ bạc đua chơi
Sao cho sự nghiệp ra người trượng
phụ
Làm sao nên tiếng danh nho
Thần trung, hiếu tử để cho khen
càng »

Vì người vợ đảm có thể tự hào đã từng nuôi chồng ăn học:

« Tiền gạo thì của mẹ cha
Cái nghiên cái bút thật là của em »

Khi chưa biết đạt, kẻ sĩ chỉ là một anh đồ « dài lưng tốn vải ăn no lại nằm » nhất thiết từ quần bút, thoi mực cho chí manh quần tằm áo đều trog cây vào sự buồn tẻ bán tảo của trang hiền phụ, những mong:

« Mai sau chồng đỗ vinh qui
Võng anh đi trước, em thì võng sau
Tàn quạt hương án theo hầu
Rước vinh quy về nhà lễ tổ
Ngà trâu bò làm cỗ tế vua
Họ hàng ăn uống sạp sưa
Hàng tông hàng xã, mừng cho
ông Nghè. »

Nếu kẻ sĩ hiền đạt thì cái công của gái nhà Nam « lật đật chẵn cô khi quăng văng, eo sèo một nước buổi đò đông » để nuôi chồng bao năm ăn học cũng không là uổng.

Nhưng khôn nổi học tại thi phận, nên nhiều nho sĩ đã « tủi bút, tủi nghiên, hồ lều, hồ chông » mà:

« Nghĩ đến chữ: nam nhi đắc chí, thêm nỗi thẹn thùng;
« Ngẫm đến câu: quyền thỏ trùng lai, nói ra ngấp ngóng. »
Vì

« học đã toi cơm nhưng
chữ chưa chính
« Thi không phải ở thể
mà cay lè »

Mặc dầu nho sĩ bao công rèn luyện, mặc dầu chữ tốt văn hay, nhưng « tài Bạng nhơn, Thâm hoa lỗ ra cũng hỏng. » (3)

Khoa cử đã khéo trêu cợt kẻ anh tài đến đầu bạc răng long nên làm kẻ sĩ lỡ thời ai không than phiền cho « áng công danh là số phận khôn lường, trêu sĩ tử dầu gan vàng cũng núng. »

Công đã chẳng thành, danh đã chẳng toại, kẻ sĩ đành ôm hận mang nợ sách đèn không còn mong « mượn phước vua trả nợ bút nghiên ».

Cái công của người gái đảm đã từng thất lưng buộc bụng, đi sớm về khuya để như ai « nuôi nấng năm con với một chồng » chỉ là công đã trắng ngoài bãi biển!

Vì nay giàc kẻ vàng, đã tỉnh, cái mộng bà Cống, bà Nghè cũng tan như mây bay khói tỏa. Ma bưng mắt dạy, thảy mình tay không, người nội trợ đảm đang đã từng nuôi chồng ăn học phải thoát ra những lời ai oán để cảnh dith các bạn yếm khoa này chạ phòng không cuộc bong:

(Xem tiếp trang 21)

TỤC NGỮ TÀU

đối với tục-ngữ Tàu và Tục-ngữ Tây

Số 2

Ứng-Hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

IV. — Tục ngữ tây.

Người Pháp chia tục-ngữ ra tám chín thứ (1):

1. — Cồ-ngữ (apoph'egme) là lời nói hay của đời xưa truyền lại, như câu « Trọng danh-dự hơn sự sống » (On doit préférer l'honneur à la vie) của ông Leonidas, cũng như câu « Thác trong còn hơn sống đục » của ta; tục-ngữ tàu có câu: « Nhân tử lưu danh, báo tử lưu bi », nghĩa là người chết để tiếng, con báo chết để da; câu này đã gần hóa tục-ngữ của ta, nhưng ta nói ngược lại rằng: « Hồ chết để da, người ta chết để tiếng ».

2. — Châm-ngôn (aphorisme) là câu răn dạy chép trong sách khoa-học, nhất là sách thuốc, như câu « Ăn chưa tiêu hết mà lại ăn nữa, thì nguy cho sức khỏe » (Manger avant l'entière digestion des premières aliments, c'est exposer sa santé), cũng giống câu « Tham thực, cực thân »; tàu có câu « Nhân tham tài nhi tử, diêu tham thực nhi vong », nghĩa là người tham của thì chết, chim tham ăn cũng chết.

3. — Định-lý (axiome) là một thứ châm-ngôn, nghĩa đã rành-rành ra 'đấy, không ai phải giảng lại nữa, như câu « Cả cái to hơn một phần » (Le tout est plus grand que la partie); tục-ngữ ta có câu « Trăm dom-dóm không bằng một bó đuốc »; tục-ngữ tàu có câu « Bách xuyên tạc hải », nghĩa là trăm sông học bề.

4. — Cách-ngôn (maxime) là lời nói đề cho đời bất-chuộc, thí dụ câu « Chưa chắc thì đừng » (En cas de doute, abstiens-toi); chữ tàu có câu « Nghi phân vật dụng », nghĩa là ngờ người chớ dùng.

5. — Kim-ngôn (sentence, p. é. cep'te) là lời nói quý như vàng, câu ngắn, nghĩa rộng, đọc lên có thể xúc-dộng ngay đến người ta, thí dụ câu « Thời giờ là ông thầy lớn » (Le temps est un grand maître).

6. — Pháp-ngôn (dicton) là lời nói truyền lại đã lâu, lại ngụ ý khuyên răn, như câu « Một thứ đã cầm tay còn hơn hai thứ sẽ có » (Un tiens vaut mieux que deux tu l'auras), nghĩa là ít mà chắc chắn còn hơn nhiều mà bấp-bênh (Il vaut mieux tenir que courir); ta có câu « Được đến đâu hay đến đấy » cũng giống nghĩa như thế.

7. — Tục-ngữ (proverbe) là những câu thể-tục thường dùng, như câu « Tất cả những sắc lông-jánh không phải là vàng đầu » (Tout ce qui reluit n'est pas or); ta cũng có câu « Đừng thấy đồ tưởng là vàng » và câu « Trong đem-dóm, ngoài bó đuốc ».

8. — Ngạn-ngữ (adage) là một thứ tục-ngữ, có ý khuyên răn, thí dụ câu « Một trăm năm buồn không giả được một đồng nợ » (Cent ans de chagrin ne paient pas un liard de dette). Nếu đem câu ấy giảng ra mà khuyên người ta không nên ngã lòng vì nghèo-khổ,

hay vì gặp sự khó-khăn, thì câu ấy là câu ngạn-ngữ; nếu chỉ áp-dụng vào việc gì, thì câu ấy lại là câu tục-ngữ.

Tám chữ trên này dịch tạm ra như thế, chứ không có tự-vị nào dịch đúng nghĩa, quyền nào cũng quán-hi-quần ở mấy chữ tục-ngữ, ngạn-ngữ, cách-ngôn, châm-ngôn mà thôi.

Sách tục-ngữ tây in ra nhiều lắm, nhưng chưa ai dịch ra tiếng ta. Năm 1498 có một người Pháp tên là Polydore Virgile ra một quyển tự-vị tục-ngữ (*Vocabulaire des proverbes*). Năm 1517, Erasme in bốn nghìn tục-ngữ Hi-lạp. Năm 1791, Boutroux de Montargis làm một quyển tục-ngữ bằng lối tai ca (*Bouquet proverbial*). Từ bấy giờ đến nay tự-vị tục-ngữ in ra cũng nhiều, như quyển *Proverbes français* của Tuet, *Dictionnaire des proverbes* của Quillard, *Bibliographie parémiologique* của Duplessis, v. v. Ấy là chưa nói đến những quyển tạp-chí, như quyển *Mélusine, recueil de mythologie, littérature populaire, traditions et usages* của H. Gaidoz và E. Rolland,

V. — Tục ngữ tàu

Tục-ngữ tàu dịch ra chữ tây cũng nhiều, có quyển *Trung quốc tục-ngữ* (*Proverbes chinois*) của ông Paul Perny in năm 1869 là quyển có thể gọi là cũ nhất. Nay nhân báo *Trí tân* kỷ niệm lần thứ tư, tôi lấy vài câu tục-ngữ tàu ở quyển ấy, và câu châm-ngôn ở quyển *Minh-tâm bảo giám* và quyển *Tiên-chính cách-ngôn*, so với phương-ngôn tục-ngữ của ta để « ôn lại sự học cũ mà biết thêm được nghĩa mới » (ôn cố tri tân).

Như câu « Học nhiên hậu tri bất túc » nghĩa là « Học, rồi sau mới biết là chưa đủ » cũng như câu tục-ngữ của ta, « càng học càng biết mình là dốt » chính vì biết thêm được nghĩa mới, nên mới biết mình là hãy còn dốt.

Đức Khổng tử có câu: « Nhất sinh chi kế tại ư cần; nhất niên chi kế tại ư xuân; nhất nhật chi kế tại ư dân » nghĩa là « Sinh-kế trong một đời người cốt ở siêng năng; cũng như sinh-kế trong một năm cốt ở mùa xuân; sinh-kế trong một ngày cốt ở giờ dân ». Mùa xuân tức là đầu năm, giờ dân tức là sáng ngày. Ba câu này ý nói lúc nào phải chịu khó (cần) học, thì về sau mới nên người hữu dụng, cũng như trong một năm, thì cốt ở lúc đầu năm (xuân), nếu mùa xuân không cấy cấy, thì mùa thu lấy đầu mà gặt hái; trong một ngày thì cốt ở lúc sớm mai (dân), nếu sớm ngày không dạy, thì cả ngày còn làm được việc gì nữa? Phương ngôn ta có câu: « Một năm là mấy mùa xuân, một ngày là mấy giờ dân sớm mai » câu ấy giống hai câu dưới của Tàu, nghĩa là ở đời được thời còn trẻ nên chịu khó làm ngay đi, không nên chờ chậm trễ, rồi ngày sau không hối kịp.

Câu « Giáo phụ sơ lai, huấn tử anh tài » nghĩa là « Dạy vợ khi mới đến, dạy con khi còn bé » đúng với câu « Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về » của ta. Nhưng câu của Tàu nói dạy vợ trước, dạy con sau phải nghĩa hơn; câu của ta vì vẫn nên dạy con lên trên, dạy vợ xuống dưới, xét ra khi đặt câu ấy, cốt cho hoạt nghĩa, chứ không câu nệ, nên cũng cho là được, duy có hai chữ « bơ vơ » đôi với nghĩa không đủ, nên

đã có người sửa là « Dạy vợ và thuở ban sơ mới về » mới nghe thì hay hơn, nhưng có hiềm vì chữ « sơ » với chữ « mới » liên nhau, sợ thừa nghĩa, nhưng còn hơn chữ « bơ vơ ».

« Dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân » nghĩa là « Nuôi con mới biết ơn cha mẹ » đúng với câu của ta « Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ ». « Kỹ sở bất dục, vật thi ư nhân » nghĩa là mình đã không muốn, chớ thi-hành với người » tục-ngữ ta có câu « Suy bụng ta ra bụng người » và câu « Người sao ta vậy », hai câu của ta là tục-ngữ so với câu của Tàu, gần giống nghĩa nhau, nhưng câu của Tàu nghe vẫn hay hơn, chính là câu cách-ngôn của đức Khổng và câu cách-ngôn của tây (Ne faites pas à autrui ce que vous ne voudriez pas qu'on vous fit).

« Sai chi hảo lý, thất chi thiên lý » nghĩa là « Sai một mảy lông, mất đến nghìn dặm » so với câu tục-ngữ ta « Sai một ly, đi một dặm » kể nghĩa đen thì hơi khác,

vì của ta nói sai một ly, đi đến nghìn dặm, mà của ta thì chỉ nói đi một dặm, nhưng ý thì cũng như nhau, nghĩa là sai có một tý một tý mà đi ra nhiều lắm.

Câu « Lương đê được khổ khẩu lợi ư bệnh, trung ngôn nghêch nhĩ lợi ư hành » nghĩa là « Thuốc đắng miệng lợi cho khỏi bệnh, nói thẳng trái tai lợi cho việc làm » so như câu tục-ngữ ta « Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng », tuy không đủ nghĩa như câu của Tàu nhưng vẫn hay hơn.

« Y đắc bệnh, y bất đắc mệnh » đúng với câu « Chữa được bệnh, không chữa được mệnh » của ta.

Câu « Tử sinh hữu mệnh, phú quý do thiên » nghĩa là « Sống chết có số mệnh, giàu sang tự vận giờ » câu này chính là tục-ngữ Tàu mà đã hóa ra tục ngữ ta.

Câu « Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy » nghĩa là « Một lời đã nói ra, ngựa tứ khó đuổi kịp », ý nói đã nói ra thì không sao chữa lại được; cũng như câu (Xem tiếp trang 18)

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐẠI

- Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thức đơn thay đổi
 - Được đặc quyền in bằng giấy tây.
- Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 - Cước 1\$20

Vì tình thế hiện thời, ông Đình văn Tuệ không ở Hanoi
Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ bạn nào
mua sách, cứ gửi thư cho:

Bà ĐÀO-THI-MINH

118 Phố Duverrier - Hanoi

LÀNG VÀ PHONG-ĐAO

của LIÊN-GIANG

Làm trai cho đáng nên trai,
Phá Xáan cũng trai, Đồng nai
— Đã sinh ra kiếp đàn ông,
Đèo cao, núi hiểm, sông cùng
quần chi?

Người con trai Việt nam, lắm lúc cũng nhận thấy phạm vi trong làng mình là nhỏ hẹp, chốn chốn rau cải rốn của mình không đủ dạy cho mình khôn ngoan hơn người ta, nơi đồng ruộng thôn quê mình ở, tuy đủ nuôi miệng, nhưng không đủ phát triển được chí bình sinh. Cho nên phát xuất lên hai câu hát trên này, là hai câu rất ít thấy trong ca-dao ta đề phản động lại bao nhiêu câu khác chỉ quyên đủ người ta quanh quẩn ở chốn thôn quê mà bám chặt lấy màu đất ruộng hay cái đình thờ thần của làng.

Đi một ngày đường (đường), là học một sàng khôn, phải đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn. Vẫn biết thế là chí Lỗ-thỉ của kẻ nam nhi, song từ cha truyền con nối, những tập quán đã ăn sâu vào khí huyết, tục lệ đã ràng buộc người ta một cách vô hình, nên lý hương là một vấn đề trọng đại, cha mẹ không bằng lòng, vợ con gạt hàng-lệ, rút cục vẫn: ta về ta làm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Vì thế, số người đi cầu thực tha phương hay đi kinh doanh hải ngoại là số rất ít. Có khó khăn ăn cho lắm, dầu gỏi cũng chỉ bỏ ra đến lỗ chợ là cùng: dòi ra kẻ chợ,

chớ lên rợ mà chết. Chỗn ràng xanh ma thiêng nước độc, bao nhiêu người không gửi xác được về làng, thì ngày tết ngày nhất, xa xôi muôn dặm, hồn có khôn thiêng chăng nữa, cũng khó mà theo gót ông bà ông vải về hưởng tế-tự của vợ con anh em! Kể sĩ là bậc có học-thức hơn cả, có con mắt rộng rãi một chút, sau khi tên chiếm bằng vàng, rất lấy làm phải nguyên được dân làng hàng tòng lên tận tỉnh đón rước. Khi đặc chỉ ở nơi miếu đường, kẻ sĩ thế nào cũng « phú quý quy cổ lương », nếu không thế, thế gian lại cười rằng: giàu sang không về làng, như mặc áo gấm đi đêm vậy. Càng nên « sống ở làng » nếu mình đã được « sang ở nước ». Sống ở làng như thế được bao nhiêu người khiếp sợ nề-vì, được hưởng bao nhiêu quyền lợi ăn trên ngồi chốc; nên có câu: « Chưa đỗ ông nghè, đã đe hàng tổng ». Ấy chưa đỗ mà kẻ sĩ còn lên giọng đe dọa, huống chi khi được địa vị rồi, thì dân làng tất phải khúm khiếp với cái giọng thét ra lửa. Lương dân họ đã khổ mãi về hạng « tư văn » cho nên các cô con gái những nhà làm ăn, khinh cái bút cái nghiên anh đồ, mà muốn được ông chồng trở về nghiệp làm ruộng: Càng danh theo đuổi má chi,
Sao bằng chăm chỉ giữ nghề
cánh nông.

Sớm khuya có vợ có chồng,
Cày sừa bừa kỹ mà mong được mùa.
Nhưng cô ấy lại sợ những đực
ông chồng vẫn mơ mộng ông cống

ông nghè mà không nghe lời mình khuyên nhủ, nên đem những cảnh vui thú ở nghiệp nông mà tô điểm cho bay cho đẹp đề dụ lang quân: Làng ta phong cảnh hữu tình,
Dân cư giang khúc như hình
con long.

Nhờ trời hạ kẻ sang dòng,
Làm nghề cấy cấy vun trồng
tốt tươi.

Vụ năm cho đến vụ rười,
Trong làng kẻ gái, người trai
dua nghề.

Trời ra, găng, trời lặn, về,
Ngày ngày tháng tháng nghiệp
nghề trăn chian.

Dưới dân họ, trên quan viên,
Công bình giữ mực cầm quyền
cho thay..

Ngoài việc canh nông là việc chính, còn được trông nom thêm nghề súc-mục cho vui cảnh gia đình:

Nhờ trời mưa gió thuận hòa,
Nào cây nào cấy trẻ già
khuyến nhu.

Chim, gà, cá, lợn, cảnh cau,
Mùa nào thức ấy giữ màu
nhà quê.

Sớm đi thì tối lại về.
Quần hồng áo tía phủ phê
trăm chiều.

Nhờ trời được gió hòa mưa thuận, nhà nông được mùa; xong công việc đồng áng, vợ chồng mình lại tính đến việc thả cá ở ao nhà, nuôi chim, gà và lợn ở vườn nhà. Sân rộng lắm chỉ thả cá giống cau. Những thứ ấy chẳng bao lâu mà sinh sôi nảy nở, dùng không

hết, chúng ta có thể đem ra chợ bán. Công việc chợ búa, sớm đi thì tối lại về, mấy lúc mà chẳng dư tiền để vợ chồng con cái ta có đủ mở ba mở bảy, sung sướng trăm chiều. Lọ là còn phải đi đâu mới làm nên giàu, lọ là còn thương tiếc cái anh chàng dài lưng tợn vãi, phải cặp sách ra tận chốn kẻ chợ mới cầu được nên sang mà làm chi!

Trong chi em cô nào có viễn vọng, ước ao ra kinh đô lấy chồng, thế là đại đột vô cùng:

Em khôn em ở trong
bờ,
Chị đại chị ở kinh-đô
chị về.

— Kinh - đô thì mặc
kinh đô,
Chị đi cho lắm thì đi..
chị tan?

Sao chị không bắt
chốn kinh-đô lắm phường
bợm sỏ, giả danh ông
ấm ông đồ mà dỗ con
gái thanh tân nhà quê!
Có chị mất cả chi lẫn
chài, lại có chị có miếng
mà chả có tiếng.

Nghe thấy câu chuyện
lấy chồng ở chốn kinh
đô mà đến nỗi sợ như

murp như thế, con gái quê ai mà
chẳng sợ! *Biệt xã bất trí tình*,
tham miếng đỉnh chung ở những
đâu đâu, đã lấy chi làm chắc! Chị
bằng «*ruộng giữa đồng, chèo
giữa làng*», gần nhà xa ngõ, tiếng
gọi lợn vẫn nghe thấy sang sảng
ở phía sau vườn, có phải người
đâu xa lạ, mà phải thăm dò nữa.
Dù anh xã anh nhiên, trong làng
ngoài họ, đã thông tỏ ngũ ngán,

còn sợ gì lừa dối nhau chi, Đời
thế, gái làng phầu nhiều chuộng
lấy trai làng hơn trai thiên hạ. Đến
nỗi trai thiên hạ có kẻ mê một con
cô gái làng họ, chỉ sợ cô mình,
vâng lời cha mẹ, không thể bỏ quê
cô mà đi theo mình.

*Đêm đông thấp ngọn đèn lồng,
Mình về có nhớ ta không hỡi
mình,
Chiếc thuyền lan anh giậm*

bồng lóa ra yêu đời vì em. Nếu
em không chịu rời chốn cũ mà đi
với anh, thì anh sẽ phải chán đời,
lắm, em ạ.

*Ăn chanh ngồi gốc cây chanh.
Lấy anh thì lấy về Thanh chẳng về*

Anh có lòng yêu em, em cũng
cảm tình anh mà muốn trao tơ kết
chỉ cùng anh, song ăn cây nào,
rào cây ấy, em sinh sống ở chốn
này, em không nỡ vì sự lấy chồng

mà bỏ làng. Anh đã thương
em thì thương cho chết,
ở gửi rề ở làng em. Chờ
quê Thanh của anh nó
xa xa lắm, em luống sợ
chở ông nhà Hồ, sợ phá
Tam-giang, không thể ôm
cầm sang thuyền anh
được.

Nếu trai thiên hạ lấy
được nỗi gái làng khác,
không những làng bắt
phải nộp treo, — lắm nơi
lệ treo rất nặng để cản
trở sự phối hợp với
người ngoài — mà xóm
cũng bắt nộp treo, nộp
cũng bắt nộp lệ. Đầu
năm khi làng vào đám,
ông người rề thiên hạ
phải đến đình làng lễ
«*giải*».

Lắm làng lệ treo
nặng, mà trong làng

chỉ có mấy chi họ, trai thiên hạ
không ai dám đem nom, thành ra
họ xa họ gần cứ quanh quẩn kết
hôn với nhau.

Gái làng không lọt ra ngoài, trai
thiên hạ ít ai tới làm rề. Trai làng
chỉ ở trong phạm vi lý tre sanh
mà làm ăn, không chịu kinh doanh
đất thiên hạ, kẻ sĩ làm việc vua
việc quan ở thiên hạ, lại quay
(Xem tiếp trang 16)

CA-DAO MỚI

*Loạn rừng, cộp-kính tìm mồi;
Tắt đèn, chuột bỏ ra chơi đầy nhà.
Biền khơi sỏi nổi phong ba,
Khéo chèo, khéo chở, thuyền ta đến bờ.*

*Mặc ai lấp-nập đi đâu,
Ta còn ở lại hái dâu chẵn năm.
Mai kia lắm một, kén năm,
Chị em vốn-liếng, hàng trăm, hàng
nghìn.*

*Mặc ai ăn ở bất nghi,
Nhân nào quả ấy trách gì được ai.
Sống lâu lắm chuyện nực cười,
Chẳng qua cũng bởi khó người, khó ta.*
SONG-CỐI

thành tình,

Anh thì cầm lái có mình phách
ba

*Có thương anh bẻ mái chèo ra.
Sợ mẹ bằng bề, sợ cha bằng trời
Anh thấy em anh cũng ưa đời,
Biết rằng chốn cũ có rời ra
chẳng?*

Anh vốn ở sông nước, kiếm ăn
ở trên thuyền, đời không lấy gì
làm vui, nhưng nay được gặp em,

Nói tại nhà hát lớn Hà-nội ngày 5-5-1944

SỨC SỐNG DÂN VIỆT NAM TRONG CA-ĐAO VÀ CỎ-TÍCH

Số 2

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

2.) Khi gặp những sự ép bức về tinh thần, người dân Việt-nam cũng phản động lại, không khác gì khi gặp áp bức về phương diện vật chất. Trên đây, đã thấy qua nền luân lý ép bức phụ nữ của nho-giáo bị phản đối ra sao. Nhưng ngoài nền luân lý do ngoại quốc mang vào ấy, còn nhiều chế độ tinh thần làm bại đổ sự độc lập tư-tưởng của dân chúng bị phản đối nữa. Chúng tôi xin kể một vài hệ thống rã đây: Trước hết là những tư tưởng huyền hoặc, gây ra mê tín trong dân chúng, của bọn thầy số tướng: « Bói ra ma, quét nhà ra giặc »

Hay là:

« Trời đất mà biết nói năng
Thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn! »

Rồi đến cả nền tư tưởng của nhà Phật nữa: Ngoài những câu chế nhạo kẻ tu hành không chân chính ác liệt như là câu: « Nam mô một bồ dao găm », tay khoan đục và nên thơ như mấy câu: « Bà cô đội gạo lên chùa, một cô yếm thắm bỏ bừa cho sư » v.v. Và còn thấy nhiều câu đứng đắn hơn, nhưng cũng không tán thành tư tưởng bị quan, phớt sống của Phật giáo, ví dụ:

« Thờ nhất thì tu tại gia
Thờ nhì tu chợ, thờ ba tu chùa ».

Đối với ngoài thì như vậy, còn đối với trong thì dân chúng mai

mĩa nhất là những tư tưởng chia rẽ, tự phụ, của một thiểu số, tự coi như thượng lưu, có học, mà khinh người khác. Dân chúng bảo họ rằng: « Thả ra mình trần, ai cũng như ai », chứ có vội hợm hĩnh. Những kẻ ấy phản động lại là những kẻ đạo đức đôi bội nhất. Họ thiêu hủi độc lập về tư tưởng, về luân lý. Phải lớn họ là những kẻ « đục nước béo cò », miệng lớn tiếng trung nghĩa nhưng lòng dạ vẫn đục xấu xa. Muốn treo cho họ một tấm gương trắng sạch, và tự cao, người dân Việt-nam hát rằng:

« Đỡ ai mà được như sen,
Chung quanh cảnh đỏ, giữa chen nhị vàng.

Nhị vàng, ngó trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ».

Cũng vẫn có một dĩch nêu cao lý tưởng sống trong-sạch ấy, người dân lại có câu bát ru trẻ, giản dị và đẹp đẽ:

« Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao,
Ông ơi, ông vớt tôi nào,
Tôi có lòng nào, ông sẽ sao mang.
Cò sào thì sào nước trong.
Đừng sào nước đục đau lòng cò con ».

Sống trong sạch, tuy nghèo nàn, sống bình dị mà vui sướng, ấy là cái triết lý « khỏe mạnh và trong lành » của người bình dân Việt-nam.

Những khi bị ^{***} ép bức xuống, luôn luôn sức sống của dân tộc chúng ta tìm cách phản động, để thoát ly. Chúng tôi xin nhắc lại: sức sống ấy không chịu đựng sự ép bức nào, dù là về phương diện vật chất hay về phương diện tinh thần dù nguồn gốc sức đề nena là ở bên ngoài hay ở bên trong.

Nhưng không phải sức sống của dân ta chỉ có thể biểu lộ trong những lúc căng thẳng động. Những thời kỳ nào, những trường hợp nào được tự do phát triển, sức sống dân ta mới dẫn đến những hành động thực tươi đẹp. Mà trong ca dao, những lúc ấy ta mới thấy những câu hát nên thơ nhất, giản dị nhất, đẹp nhất và vui sống nhất.

Trước hết, những khi được nảy nở tự do, những khi bị trôi buột vì một xiềng xích nào, ta thấy tinh thần ca dao hòa hợp với thiên nhiên thật là chặt chẽ và nhịp nhàng. Người dân Việt-nam hiểu thiên nhiên, vì cuộc sống hằng ngày phải luôn luôn quan sát thiên nhiên, trông đợi mưa nắng. Phải lớn, dân ta sống về nghề nông mà công việc trong nghề ấy thì chịu ảnh hưởng của thời tiết rất lớn. Nên người dân cây Việt nam hiểu được thiên nhiên cũng chỉ là lẽ thường. Người nông phu ta thường

phải trông đợi nước mưa, lo lắng bồn chồn vì không có mưa. Có mưa là có ăn, có uống có nhiều vật dụng: Nên mới:

« Lấy trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cấy,
Lấy bát cơm đầy,
Lấy khúc củi to ».

Có mưa là có nước trong-sạch mà dùng, có thóc gạo, có của cải ngoài đồng ruộng. Vì vậy, người dân quê biết rất rõ, khi nào sắp có mưa. Những câu đoán thời tiết, truyền tụng trong dân gian rất nhiều:

« Mùa hè đang nắng, cò gà trắng
thì mưa,
Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay
thì bão »

hoặc:

Chớp đông nhay nháy, gà gáy
thì mưa.
« Gió may hiu hiu, riêu kêu thì rét; »
vân, vân...

Từ chỗ vì lợi, vì công việc hằng ngày mà hiểu thiên nhiên ấy, chẳng bao lâu đến chỗ cảm thông những vẻ đẹp trong thiên nhiên, cảm thông những nét cao-cả, bao-la trong trời đất. Nhà thơ bình dân, khi đó, đặt đến những lời thơ tuyệt vời:

Đỏ ai quét sạch lá rừng
Đề ta khuyển gió, gió đùa
rung cây;
Đỏ ai biết lửa mấy cây,
Biết sông « ấy trượng, biết mấy
mấy từng ».

Một đôi khi, nhà thơ bình dân đột nhiên tìm thấy một bình ảnh kết tinh được những cảnh, tưởng chừng không thể diễn nên nổi. Ví dụ:

« Hỡi cô tát nước giữa đồng,
Cớ sao mặt ánh trắng vàng đồ dẽ. »

Cảnh tượng vẽ trong hai câu ấy tưởng không nét bút nhà nghệ sĩ nào còn có thể hình hoạt hơn,

đẹp đẽ hơn và thành công hơn nữa.

Hòa hợp với thiên nhiên như vậy chưa đủ, sức sống của người dân còn hòa hợp với người cùng nòi nũa. Sự hòa hợp « người với người » có nhiều thể cách:

Quan trọng nhất và quen thuộc nhất là tình yêu.

Người Việt-nam yêu rất đậm thắm, vì muốn sống thực đời-dạo. Nhưng yêu chân thật, trong trẻo, yêu lành mạnh, khỏe khoắn. Ta không thấy trong ca-dao những câu tả một tình yêu yếu đuối, ốm-cơ một tình yêu ư ợt lợt, ư quên lãng, một tình yêu lăm lăm, vì tưởng rằng phải rắc rối, khó hiểu, vô lý, mới thực sâu xa. Quan-niệm về yêu trong ca-dao ta khác xa quan-niệm của những nhà thơ lãng mạn bây giờ: Người Việt-nam, thuần túy yêu để được thêm mạnh mẽ: yêu để sống được thêm hăng hái, tranh đấu được thêm vững bền, chứ không phải yêu để mà đắm đuối trong tình yêu, và quên lãng hết cuộc sống.

Nhưng đã yêu là phải nhớ. Người dân ta nhớ như thế nào? Nhớ sâu xa vô cùng. Hỡi đấng khôn lỏi, một nhà thơ bình dân đã tả:

« Nhớ ai như nhớ thuốc Lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên »
Cam động, và thành thực hơn một nàng thiếu nữ than:

« Qua cầu ngả nón trông cầu,
Cầu bao nhiêu dịp em sầu bấy nhiêu... »

Sâu đây là nhớ, Cùng ta rồi mong nhớ có nhiều câu thực là thắm thía. Ví dụ bài hát quen thuộc này:

« Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện chăng tơ
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai.

Buồn trông chênh chênh sao mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ? »
Đêm đêm tưởng giải ngân hà,
Mỗi sần lình đầu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào khê nước chảy vẫn còn tro.

Nỗi nhớ tả trong mấy câu thực men mải, chân-thành.

Nhớ ngiã là buồn. Người Việt-nam buồn như thế nào? Đọc mấy câu ca-dao trên đây, ta đã thấy ngay rằng dù nhớ thực men mải, buồn thực thắm thía, nhưng không phải cái buồn vô căn, vô cớ, tuyệt vọng, hoài nghi, chán nản, thường thấy trong một số thanh niên ngày nay. Trái lại đó là một nỗi buồn lành mạnh, khỏe khoắn, nỗi buồn thành thực của những người ham sống, một nỗi buồn trung hậu chính trực.

Cũng thế, sau khi hỏi Nhện vì nhớ ai mà chênh tơ, hỏi Sao trời vì nhớ ai mà mờ nhạt, người khách ở phương xa, trong bài ca-dao trên kia lại chỉ kết luận một cách tin tưởng: « Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn », cảnh đời đời, nhưng lòng thương nhớ không bao giờ phai nhạt, tin tưởng mà không tuyệt vọng, không trách oán trời với người. Nên nỗi buồn trong ca-dao thực đáng gọi là một nỗi buồn khỏe mạnh và trung chính.

Hòa hợp với người yêu vẫn còn hẹp, tâm hồn người dân ta hòa hợp cả với tâm hồn người cùng nòi giống trong đân-thề nũa. Những câu hát ca tụng sự hợp quần, lòng yêu đồng giống, nhiều không đếm xiết. Chúng tôi chỉ xin nhắc lại một vài câu quen thuộc nhất như:

« Nhiều điều phải lấy gươm giương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng. »

(Xem tiếp trang 14)

Ca-dao một yếu tố

CỦA ĐẠI CHÚNG VĂN HỌC

MIÊU-THANH-QU

Nếu có một thứ văn học của hạng trí thức, một thứ văn học thuần túy, nghiêm trọng, tất cũng phải có một thứ văn học thông thường cho đa số người trong xã hội, cho bình dân, đại chúng. Thứ văn học ấy, ta có thể mạng danh là đại chúng văn học.

Trong phạm vi văn chương, có hai yếu cách: một là *diễn đạt*, hai là *phổ thông*. Diễn đạt là lấy một trạng-thái đặc biệt của sự vật mà diễn tả ra một cách thật đúng; phổ thông là lấy những lý tưởng thông thường của đại chúng mà phụ diễn ra một cách dễ nghe (1).

Đại chúng văn học chiếm được một trong hai yếu cách ấy: sự phổ-thông.

Đại chúng văn học gần nhiều yếu tố, trong đó có ca dao.

Ca dao; có kẻ gọi là phong dao để định nghĩa như thế này: « cái danh từ ấy do chữ Hán: phong là phong tục, dao là hát. Vậy phong dao là những câu hát mà trong đó có ghi lấy ít nhiều dấu vết của phong tục trong một nước hoặc trong một miền (2) ».

Theo ngu ý, ca dao không chỉ để « ghi lấy ít nhiều dấu vết của phong tục ». Những câu thơ tình trong Kinh Thi chẳng là ca dao sao? Kinh Thi mở đầu là Quốc phong. Đầu Quốc

phong là thiên Chu nam. Đầu thiên Chu nam là bài thơ Quan thư nó là một bài thơ tình:

Quan quan thư cư

Tại hà chi châu

Yêu diệu thực nữ

Quân tử hảo cư

Thư-cư rư-rư

Ở bãi sông Hà.

Gái hiền yêu diệu:

Đẹp sánh cùng ta!

(Hoa-Băng)

Vả lại, hai quyển « Phong dao » của ông Nguyễn Văn Ngọc đựng đến hai phần ba những câu thơ tình thể lục bát.

Thể ấy là một thể đặc biệt của ca dao xưa ta.

Ca dao, ta có thể dịch nghĩa ngắn mà đủ nghĩa như thế này:

Ca dao là những khúc hát mộc mạc của dân quê dùng để biểu-lộ một nỗi lòng.

Nói đến ca dao, tưởng ta cũng nên nhớ đến *thời kỳ dao vũ* (ballade et danse) cho được ý-hội chặn đường tư tưởng nó đưa loài người từ lúc ăn lông ở lỗ, đến lúc biết diễn tả những uẩn tâm tình bằng lời nói, mặc dầu những uẩn ấy vẫn còn thô sơ mộc mạc.

Hồi thời đại nguyên-thủy, nhất thiết sự vật, mỗi mỗi hãy còn hỗn độn; loài người hãy còn sanh hoạt bên cạnh cầm thú... khỏi nói ai cũng biết; lúc

bấy giờ văn tự chưa xuất hiện thì văn chương làm sao có được? Loài người bấy giờ mỗi khi muốn biểu lộ điều gì của cõi lòng chỉ dùng thuần một *tiếng âm đơn giản*, nó về sau biến thể thành *ngôn ngữ*. Thứ nữa, gặp lúc vui mừng quá độ, loài người trong thời kỳ lịch-sử dĩ tiền ở bất luận nơi nào trên quả địa cầu, đều có một cách *động tác* theo *qui luật đơn giản*, để tỏ bày hứng vị.

Cách động tác ấy về sau biến thành *khieu vũ*;

Qui luật ấy về sau biến thành *âm nhạc*.

Ngôn ngữ, khieu vũ, âm nhạc là ba yếu tố của văn minh nhân loại.

Ngôn ngữ đến thời kỳ văn học nảy mầm — nghĩa là vào lúc văn tự tuy chưa có nhưng ngôn ngữ đã được ít nhiều tổ chức — biến thành *ca dao* ở của miệng người dân quê.

Ca dao, như trên đã nói, không chỉ chỉ để về phong tục, lại cũng không chỉ là những câu thơ lục bát, trữ-tình, mà còn là những nét lịch sử chấm phá trên bức thủy mạc — tức là tấm lòng giản dị của lòng dân quê.

1) Theo Baldensperger tác giả quyển La Littérature

2) Phan Khôi: « Tục ngữ phong dao và địa vị của nó trong văn học » Tao Đàn 16-7-1939

Cụ phó bảng Nguyễn văn Mai, nguyên bổ chính tỉnh Thanh hóa, có biên tập được quyển *Việt-nam phong sử* bằng Hán văn, góp nhóp được trăm câu phong dao quan hệ đến quốc sử nên gọi là phong sử. Ngày 22 tháng 11 năm 1923, tại hội Trí Tri Hanoi, ông Đông châu Nguyễn hữu Tiến lược ý của *Việt nam phong sử* làm thành bài diễn thuyết, đem đọc tại đó, và cho đăng vào Nam phong tạp chí số 77 ra tháng 11 năm ấy.

Nay tôi xin nhặt một ít phong sử tin được trong bài diễn thuyết ấy (vì trong bài ấy, có lắm câu phong sử mà tôi cho là không quan hệ đến quốc sử; chẳng qua diễn giả quá gò ép để cho nó thành phong sử mà thôi; nhưng đó lại là một câu chuyện dài giông, không ăn với bài này).

*Thương anh em cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam-giang;*

Hệ nay, Bắc Nam đã được dính liền nhau bằng một con đường sắt, kẻ ra từ Bắc vào Nam dễ dàng hơn lúc *Trường nhà Hồ* bấy còn là một cánh rừng rậm ở phủ Vĩnh-ling (Quảng-tri), sào huyết của những kẻ cướp ghê gớm; hơn lúc *phá Tam-giang*, thuộc huyện Quảng điền phủ Thừa thiên, hãy còn ba con sông chảy tràn vào rồi đổ ra cửa Thuận, gây thành sóng to gió lớn, rất nguy hiểm cho việc đi thuyền.

Từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận-hóa, công việc khai thác miền nam mới khẩn cấp thi hành. Dưới triều vua Hiền-Tôn, quan nội-tán Nguyễn-khoa-Đáng được lệnh đi kinh lý, triệt họ cách rừng ở chuồng nhà Hồ, và sào huyết

bọn cướp ở đó, phá Tam-giang từ đó cũng không còn chảy xiết nữa, vì sông được khơi cảng, thủy thổ được bình. Thế nên có câu.

*Phá Tam-giang ngày rày đã cạn,
Trường nhà Hồ, Nội-tán cũn nghiêm.*

Phong sử có một bẽa thề: là *đồng dao*. Phong sử xuất hiện sau khi giai đoạn lịch sử có nói đến đã xảy ra rồi. Đồng dao xuất hiện để tiên-tri một giai đoạn lịch sử. Có kẻ gọi nó là câu sấm. Sở dĩ nó mang tên đồng dao vì theo tín ngưỡng của người Tàu, khi trong nước sắp biến loạn, ngôi sao huỳnh hoặc trên trời sa xuống biển làm đũa trể hát những câu hát có tánh cách sấm vĩ: Đồng dao là những câu hát của tên Đồng-tử trên sa xuống ấy. Một đũa trể truyền mười, mười truyền trăm. Không mấy lúc, khắp nước đâu đâu cũng có những câu Đồng-dao báo trước thời cuộc. Có nhiều câu Đồng Dao báo trước rất đúng nhiều giai đoạn của lịch sử Việt-nam; *Bao giờ rồng đến nhà tôm,
Rồng leo cây Ngải thì con*

rồng vàng.

Trịnh Kiểm ngày nhỏ nghèo nàn, thường ăn trộm gà của xóm giềng để nuôi mẹ. Bất mãi không được quả tang, tức giận, người xóm giềng lừa lúc kiểm vắng mặt, bắt mẹ Kiểm quăng xuống vực Tôm (thuộc Thanh hóa).

Về sau, con cháu tuy không làm vua chúa, để bá nhưng quyền nghiêng thiên hạ, độ hai trăm năm, trong nhà tự khởi họa đều tàn: *Phi đế, phi bá, quyền khuynh thiên hạ, nhị bách dư niên, tiêu tước, khởi họa*. Sau quả nhiên, đến đời Trịnh Sâm, gây nên cái họa bỏ con lớn là Tông lập con thứ là Cán rồi nhà Trịnh dần dần từ sau khi Trịnh Sâm cho quân

kéo vào Nghệ-an để Nam xâm.

Cây «Ngải» chỉ tỉnh Nghệ. Vì chữ ngải 艾 viết giống chữ nghệ 藝.

Ý nói từ khi Trịnh Sâm vào Nghệ-an, nhà Trịnh lần lần suy nhược, như con rồng đã vàng ủa vì già yếu mòn mỏi lâu lần.

*Đục còn nên giữ lấy tông,
Cuộc đã long cán còn mong*
nổi gì!

Hai câu đồng dao này tiên-tri việc Trịnh Sâm bỏ TÔNG lập CÁN. Quả nhiên về sau, nhà Tam phủ (bọn linh-mộ ở Hà trung, Tĩnh gia, Thiệu hóa là ba phủ trong tỉnh Thanh hóa) gây nên loạn Kêu binh, lập Tông lên ngôi (tức là Doan nam vương) giết chết mẹ Cán là Đặng thị Huệ, còn Cán kinh hãi mà chết.

*Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số*
thì thôi.

Hai câu đồng-dao ấy tiên tri được việc đời Tây-sơn. Trong chữ Quang 光 của môn-hiệu vua Quang Trung có chữ liêu 小. Trong chữ Cảnh 景 của hiệu Cảnh Thịnh, niêu liêu của Quang Toản, con ngải, cũng có chữ liêu. Nhưng chữ liêu của vua cha thì nằm trên đầu, còn chữ liêu của vua con lại nằm ở chân. Từ năm Quang-Trung kỷ Dậu (1789) đến năm Cảnh thịnh nhâm-tuất (1802), đúng 14 năm y theo lời tiên đoán của câu Đồng-Dao.

Tóm lại, xét đến ca-dao hay phong-dao Việt-nam ta rõ được đời tình cảm và phong tục của dân ta. Còn xét đến phong sử hay đồng dao, ta lại mở rộng được thêm kiến văn về quốc sử.

Phong dao, phong sử, đồng dao « thứ văn học » ấy tuy gọi là của đại chúng, nhưng chẳng phải người trí thức không nên quan biết đến. KIỀU THANH QUẾ

CA DAO VÀ CỔ-TÍCH

(Tiếp theo trang 11)

Lay :

* Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao. »

Hòa hợp với thiên nhiên, hòa hợp với người cùng nòi, nhờ thế người dân ta không bi quan, không hoài nghi, không sợ sống. Trái lại, anh ta tin ở thiên nhiên, tin ở nòi giống, vững tâm mà hành động. Ca dao Việt-nam bắt nguồn ở một tình yêu ham sống, ham tranh đấu, vui vẻ, lễ nhĩ, có duyên, nhưng không kém dồi dào tình cảm, mạnh mẽ sức lực, khi bị đè nén thì luôn luôn tìm một đường lối thoát dây, khi được nảy nở, tự do thì luôn luôn tìm lên cao hơn, đề đón lấy ánh sáng trời, hòa hợp với thiên nhiên, và đều đều hòa bên trong cho có sự tin tưởng ở rồi giống, tin tưởng ở người, sau khi tin tưởng ở trời đất, tin tưởng mà vững lòng tiếp tục cuộc tranh đấu trong đời, tin tưởng mà giữ vững ngọn đuốc sáng lạng đã do người xưa truyền tay trao lại.

Đến đây, chúng tôi xin tạm ngừng cuộc phân tích tình thần ca dao Việt-nam, tuy mới chỉ phác được một vài nét đơn sơ, giản lược vì còn phải lo giữ trọn với các ngài lời hứa là cố gắng tìm hiểu và kể câu chuyện cổ tích nước nhà nữa.

Cổ-tích Việt-nam bắt nguồn ở cùng một nơi với ca dao, nên cũng rung động một tình thần ấy, một lòng ham sống ấy. Nhưng tình thần tuy duy nhất, mà cách phổ diễn, đường lối trình bày thì khác hẳn.

Trước hết, cổ tích không có hình thức nhất định như ca dao. Những câu chuyện cổ lưu truyền trong dân chúng, sở dĩ đáng chú ý là riêng về phần nội dung, riêng về phần tinh thần, chứ không phải về phần hình thức, về phần văn-chương. Nhưng cũng lại nhờ thế, mà cổ tích dễ cho ta thấy rõ tinh thần Việt-nam hơn.

Khi đem xét nội dung những câu chuyện cũ để cố gắng lọc lấy trong đó một vài ý nghĩa đáng ghi nhớ, chúng tôi thấy có thể tạm xếp cổ tích nước ta thành hai loại: một loại tìm giảng nghĩa những hiện tượng tự nhiên, một loại tìm giảng nghĩa những sự kiện trong xã hội.

Sinh sống trong một giang sơn tuy đẹp đẽ, nhưng không kém hung dữ, phải vật lộn với một lũ hậu hay thay đổi, nhiều gió bão, phải chống trọi với những sức mạnh thiên nhiên khó hiểu, người dân luôn luôn đem một nét huyền ảo mà chứa lại sự thật, để khỏi phải thất vọng về sự thật ấy, mà vẫn giữ được một lòng tin lạc quan.

Không những người dân nước ta, mà cả người dân các nước đứng trước những sức mạnh thiên nhiên, cũng có thái độ như vậy. Những vai trò trong chuyện cổ tích thường chỉ là những sức mạnh thiên nhiên đã được biến hình thành người ta. Những chuyện cổ tích thường chỉ là những hiện tượng thiên nhiên, như mưa, nắng, gió, bão, khéo thuật khéo tả, thành ra mạch lạc, kết vầu ly kỳ.

Nhà văn hào Anatole France nước Pháp có đem một vài câu chuyện nước Pháp ra phân tích,

và thấy chuyện thì tả cảnh mặt trời mọc rồi bị đêm ăn mất, sáng hôm sau lại bình như được nhả ra, chuyện thì tả sự luân chuyển ngày tháng v. v. Còn nhiều điều phát minh tương tự, chúng tôi tiếc không nhớ được rõ ràng mà thuật lại ở đây.

Vì có mục đích đem tâm tình, tình cảm của người, mà gán cho thiên nhiên, để cố gắng hiểu thiên nhiên ấy, nên ta thấy nhiều xứ ở thực xa nhau mà có chuyện cổ tích giống nhau. Chẳng hạn như truyện Tấm Cám ta gặp thấy cả ở cổ tích Pháp hay Ai-cập.

Nhưng nếu trong một xứ nào có một hiện tượng tự nhiên đặc biệt, không thấy ở chỗ nào khác, thì câu chuyện cổ tích giảng nghĩa hiện tượng ấy cũng không thấy ở xứ nào khác cả. Ví dụ như, truyện Sơn-tinh, Thủy-tinh ở trung-châu Bắc kỳ ta. Mục đích chuyện ấy ai cũng biết, là cốt để giảng nghĩa cảnh lụt lội hàng năm xảy ra trên những cánh đồng bát ngát miền châu thổ, tuy đáng lo ngại nhưng thực hùng-vĩ.

Từ tưởng tượng dân chúng còn vào đến cả thể-giới súc-vật, đến tình tình của người ta gán cho vũ trụ rồi, dân chúng lại đem tình tình ấy mà gán cả cho cảm thú nữa. Những phương pháp giảng nghĩa thế giới của đầu óc hình dân thực là nên thơ và chất phác vậy.

Song loại cổ tích giảng nghĩa thiên nhiên, tuy nên thơ, tuy cũng đã chứng minh được tinh thần lạc quan của dân tộc ta, cũng vẫn chưa đáng đề ý bằng loại cổ tích lịch sử, có mục đích là chữa lại, hay tô điểm thêm cho những sự việc xảy ra trong xã hội.

Lịch sử thường sẵn những trang đau thương, mà hiếm những trang vui vẻ; được anh hùng hay gặp được gian nguy, kẻ trung nghĩa thường lâm cảnh khốn đốn. Những khi ấy, trí tưởng-tượng dân chúng tìm cách chữa lại sự thật, để khỏi phải công nhận những tình thế đáng tru uất.

Ta thử lấy chuyện hai bà Trưng mà xét. Tuy trong lịch sử, có chép rõ ràng hai bà phải tự vẫn sau khi đã thất trận, nhưng ngay ở làng Đồng Nhân, nơi thờ hai bà vẫn chép rằng hai bà đều hóa đi, chứ không phải tử trận. Đối với các tướng của hai bà như Lê-Chân Đồ-Dương, Ngọc-Dương cũng vậy, ta chỉ thấy kể lại là các vị anh hùng đó hóa lên trời.

Nghe chuyện Phù-dổng thiên vương, tôi thường nghĩ đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ và giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy, đã xông pha ra trận, đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế, người trai làng Phù-dổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân-tảo) rồi nhảy xuống hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm-nh nào, ngồi dựa một gốc cây to, dấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.

Trí tưởng-tượng dân chúng đã biến người con trai ấy thành một vị thần minh. Bên Pháp, cũng có một chuyện tương tự, ấy là chuyện một người dân quê khỏe mạnh lại thường tên là Le Grand Ferré, đã giết được nhiều kẻ xâm lăng, người Anh cát-lợi. Có một bận, anh



ta ốm, nghe tin giặc đến, từ dãy vùng dãy cầm búa ra gặt được mười mấy tên. Giặc sợ hãi chạy mất. Sau vì một nhọc, đồ mồ hôi, về uống nước đã nên bệnh răng thối mà chết.

Nhưng chàng Le Grand Ferré không được tôn lên ngang với thần minh. Chúng tôi sẽ dĩ nhắc đến chàng chỉ là để cá: ngài thấy tâm hồn hai tráng sĩ bởi tương tự, ở chỗ thô sơ, bình dị.

Bên những việc long trọng có tính-cách lịch sự như trên đây, dân-chúng còn chú ý đến một vài tình cảnh khá thường trong cuộc sống tâm-tư thường hằng ngày. Gặp những chuyện đau thương đặc biệt, trí tưởng tượng của dân chúng cũng tìm cách chữa lại, diêm một nét huyền-ảo cho bớt được nỗi bi đát.

Ví dụ như chuyện vợ chồng chàng Trương ở Nam-xang: chàng Trương đi đánh giặc khi vợ mới có mang lúc trở về, con đã biết nói. Một hôm đùa với con, tự xưng là bố, thấy con không nhận nói rằng bố nó tối tối vãi dền. Trương buồn và ghen, day nghiền vợ đến nỗi nàng phải tự vẫn. Một tối, ngồi bên đèn đùa với con, thấy nó chỉ lên bóng mình trên tường mà nói:

« Bố đã đến kia ». Lúc đó mới biết lầm thì không kịp nữa.

Câu chuyện kể ra chấm dứt ở đó nhưng dân chúng không chịu nhận cái tình-thế đau đớn ấy, và cố gắng đem một nét huyền-ảo để an ủi ta. Vì thế, mới có một đoạn thứ hai, kể chuyện nàng Trương xuống Thủy-cung, được một chữ: phận sung sướng, và sau lại còn gặp mặt chồng một lần.

Cắt câu chuyện ở đoạn trên, ở chỗ đau đớn nhất, tuy có làm tăng giá trị nó về phương diện nghệ thuật, nhưng thật không hợp với Linh-thần dân ta vậy.

Xem thế, tinh thần Việt-nam không ưa bi-đát, không ưa đem cái bất lực của con người trước số mệnh ra mà say sưa, như tinh-thần hy-lạp chẳng hạn. Người dân ta lúc nào cũng trọng sự sống hơn cái chết, và không say sưa công nhận số mệnh đau đớn mà tìm cách chống lại định mệnh chữa lại định mệnh, để làm đi bớt những vết thương, để tăng thêm lòng tin tưởng vui vẻ, ham sống, sống rộng rãi, sống dồi dào, sống một cuộc đời đáng sống

Cuộc nói chuyện đến đây đã làm mất nhiều thời giờ các ngài chúng tôi xin kết luận :

Tinh thần Việt - nam, biểu lộ trong ca dao và cổ tích, không phải một tinh thần buồn bã yếu hèn, sợ sống, sợ tranh đấu. Trái lại, tinh thần Việt nam thuần túy là một tinh thần vui vẻ, lạc quan ham sống, ham vật lộn, biết tin tưởng ở ngoại vật và tin tưởng ở người cùng nói.

Tinh thần ấy, mỗi khi bị nếm xuống là cố tìm một đường thoát dậy, mỗi khi gặp một sự thật đau

Đón bi đất là cố tìm một cách chừa lại cho kỹ được. Nó biết yếu khỏe khỏe, buồn trung hậu, chứ không dấn đuối, chịu đựng, ủy mị. Nó khác hẳn những tư tưởng chán đời thoát tục, nhập cảng của ngoại quốc.

Trong tình trạng xã hội ta, tình trạng thanh niên ta hiện tại, làm cho tình thần đó sống dậy là một điều cần thiết vô cùng. Người tuổi trẻ xứ ta phải nhớ rằng xưa nay bao giờ người dân Việt cũng ở gần cuộc sống, và ham sống xứng đáng.

Không lánh xa đoàn thể, không lãng mạn đắm mình trong quá khứ, trong một tình yêu tội lỗi, yếu mềm, không say sưa đau đớn vì định mệnh, cao dao và cổ tích Việt-nam khuyến người thanh niên phải biết can đảm, nín thở vào cuộc sống, nhận cho rõ những vấn đề cần giải quyết trong đó rồi lăn vào đời, đem tâm lòng trung hậu, sức mạnh dồi dào thẳng-thần của mình mà hòa hợp với người chung quanh, với đoàn thể, đề nghị cao sinh hoạt, đề giữ vững lửa sống truyền tự bao nhiêu đời nghìn bị dập tắt, và nguồn sống của dân tộc lưu thông thể bề rộ sang thế hệ kia khỏi bị khô cạn, đề làm cho những mối đau thương mỗi ngày một ít hơn và cuộc sống trong non sông gấm vóc chúng ta mỗi ngày một đáng sống hơn.

(Hết)

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

NỀN ĐỌC

QUANG TRUNG

của HOA-BANG

Giá... 5 \$ 00

Có bán tại khắp nơi

LÀNG VÀ PHONG DAO

(Tiếp theo trang 9)

dầu về làng. Chốn đình làng cơ hồ hờn như hòn đá nam châm, mà con trai làng chỉ như những miếng sắt vụn.

Ông Ninh ông ninh, ông ra dầu
đình lại gặp ông Năng ông nang
Ông nang ông Năng, ông ra dầu
làng lại gặp ông ninh, ông Ninh.

Quanh quẩn từ dầu làng về đến dầu đình chỉ có bốn ông vẫn gặp nhau luôn mà thôi. Ông Ninh ông Ninh hẳn là hai ông tiên thứ chủ, mà ông Năng ông Năng chắc lại là hai ông kỳ mục. Dầu năm chỉ giữa, nửa năm chỉ cuối, hết xuâu-tự lại thu-tế, hết ngày sóc lại ngày vọng, chỉ những công việc cầu thần bái xã, mà lũng củng gặp nhau. Bao nhiêu tâm con mắt của dân làng chỉ thu lại ở đường kính hai nơi đó. Bao nhiêu tâm trí của dân làng chỉ ở chỗ mâm trên, bàn dưới, thịt sôi, phởa biếu, mà hơn kém một ly một tý, cũng sinh ra khách bác ầu-đả nhau.

Mười ông ngồi một cỗ, trong có ông đùi diếc, hơi men sinh chuyện khiến ông giăng giăng hú. Tóc ông Giăng. Đời xã cuộc ầu đả, có ông dáo, khóe hu hu; có ông khưái, cười ha ha:

Ông giăng ông giăng,
Ông dăng búi tóc,
Ông khóe ông cười.
Mười ông một cỗ.
Đánh nhau võ dầu:
Đi cửa hàng huyện,
Đi kiện hàng phủ.
Một lũ ông già
Mười ba ông diếc.

Thật là anh em khinh trước, làng nước khinh sau. Lý sự của: « phép vua thua lệ làng » giá việc co lên đến công môn lại dục ước báo cò. Bèn tị kéo ông

Ninh. ông Ninh ông ra làm chứng bên thi viện ông Năng, ông Năng ra biện hộ. Rút cục trò gì cũng đến lúc hạ màn: bên thì mất trâu, bên cầm hết năm mẫu ruộng:

« Được kiện, tám quan năm;

Thua kiện, mười lăm quan chẵn. »

Chán quá! cái làng là cái gì, khiến cho hao mòn cả chí khí, ngán cả cả tiền bạc, cho lấp cả óc sáng kiến! Chỉ vì những thành kiến sai lầm ở tục lệ, ở phong dao. Muốn tìm một câu có ý nghĩa khoáng đạt về làng mà tìm mãi chẳng thấy. Vì phong dao phần nhiều phát xuất ở bình dân. Âu đành mượn mấy câu của Nguyễn công Trứ mà kết thúc:

Cũng rắp điền viên vui tuế nguyệt,
Trót đem thân thế hẹn tang bồng.

Và câu:

Sao dám nghĩ viễn hương,
cố quốc
Đầu dòng tây nam bắc cũng là đời.
Chi nam nhi ngang dọc bốn phương trời,
Đầu là chẳng hồng trần, từ mạch
Kỷ sinh thiên địa, thù phi khách.
Đặc thú giang san liện thị xuân!

LIÊN GIANG

HỘP THƯ

BẠN PHẠM GIA ĐIỀU.—Gia-Lâm

Rất hoan nghênh thiên khảo cứu « Âm nhạc trong văn chương » của bạn đã hứa. Xin cứ gửi.

Mong được gặp bạn ở tòa soạn Mạnh-Phan

Thết việclàm ruộng của ta

tro g các câu Ca-dao

KHÁI SINH

Trong bài «Trên đường nghĩa vụ» đang trong số tốt 1943, tôi có ý mong các bạn thanh niên nên nghĩ đến chốn đồng ruộng, nơi vườn trại, vì tôi cho rằng chỉ hướng thanh niên bây giờ không nên chỉ có một mục đích hẹp hòi như bao lớp trước đã đề, giòng đời mình lặn lội trôi theo làn sóng «quyền cao chức trọng» mà cho nghề nông là nghề phụ!

Phải, nhất sĩ nhì nông, nhưng hết gạo chạy rông thì lại nhất nông, nhì sĩ.

Vả, sự sinh hoạt ở nơi đồng ruộng có nhiều cái làm ta phải chú ý:

Vùng kim ô vừa bé ở đằng xa, bây chừ đang chào nhau bằng những giọng véo von riu-riút. Trong một chiếc nhà gianh ở cái xóm xa xa kia, người ta đã nghe thấy tiếng ai đánh thưng:

Chàng ơi, giờ đã rạng đông,
Chàng dậy ra đồng, thiếp dậy nấu cơm.

«Thiếp dậy nấu cơm» rồi thiếp còn làm các việc vớt bèo trộn cám cho lợn, trông nom con cái rồi thiếp mới đem cơm cho chàng.

Nhưng nhiều khi cả nhà cùng dậy sau một hồi gà gáy sớm, cùng làm cơm ăn xong rồi cùng đi ra đồng:

Tháng ba cấy vớ ruô g ra,
Tháng tư làm mạ, nưa sa đầy đồng
Ai ai cùng vợ cùng chồng uy,
Chồng cấy vợ cấy tro g lòng vui
thay!

Họ vui họ lắm, tuy công việc làm ruộng căng vất vả lắm. Họ chỉ được ăn chơi có một bữa g g êng thôi: Tháng giêng là tháng ăn chơi, nhưng đến mấy tháng sau thì đã làm lưng khó nhọc:

Tháng hai giống đậu, giống khoai,
giống cà,

Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.

Tháng tư đã tựu trâu bò,
Đề ta sắp sửa làm mùa thành năm.
Sáng ngày đem lúa ra ngâm.

Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.

Gánh đi, ta ném ruộng ta.

Đến khi nên mạ thì ta nhổ về

Sắp tiền mượn kẻ cấy thuê.

Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.

Bao giờ cho đến tháng m rồi,

Ta đem liềm hai ra ngoài ruộng ta.

Cắt hái ta đem về nhà.

Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

«Xong công» ấy đã yên đầu,
nào còn phải:

Trông trời, trông nước, trông
mây,

Trông mưa, trông gió trông ngày
trông đêm

(Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời trong bể lặng mới yên tâm lòng)

hào còn phải:

Lạy giờ mưa thuận, gió hòa,
Cho ruộng lúa tốt, cho chiềa lòng
em.

Vì nếu:

Mùng 9 tháng 9 có mưa,
Mẹ con đi sớm về trưa mặc lòng;

Mà nếu:

Mùng 9 tháng 9 không mưa,
Mẹ con bán cả cây bừa mà ăn

Và:

Mùng 8 tháng tư không mưa,
Bỏ cả cây bừa mà lấp lúa đi.

Nhưng mấy ngày ấy dù có mưa
thực, họ cũng chưa dám chắc,
còn phải:

Ngày ngày vác quốc thắm đồng,
Hết nước thì lấy gầu sòng tát lên
bay:

Cổ lúa đẹp đã sạch rồi,
Nước ruộng vớt mười, còn độ m t
hai

Ruộng ngập đồng một gĩa giai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gĩa
sòng

Những ngày nắng hạ, khi nổi g
bốc lên, cả một bầu trời phẳng
lặng không một hieu gió, nhà nông
ta vẫn làm:

Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng
cày

Trái lại, khi trời u ám đám mây
đen ngút, sấm rền chớp nhoáng
mưa xuống như núi, nhà nông ta
cũng vẫn làm:

Giời mưa thì mặc gió mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo, tôi!

Làm đề hi vọng, hi vọng không
nhua bạn dền:

(Tiếp theo trang 21)

Tục ngữ ta...

(Tiếp theo trang 7)

« Trong chân còn để, troai miệng thì khó » của ta, ý cũng như thế; tục-ngữ ta lại có câu « Một lời nói dối, sấm hối bảy ngày » và câu « Nói như đinh đóng » mỗi câu đi một nghĩa, đều là ý dạy phải cần thận lời nói.

Lại câu « Phòng nhân thả thuyết tam phần tại » nghĩa là « Gặp người hãy nói những câu chia ba » đúng với câu tục-ngữ là « Làm tại ai phần tại mà rồi »; lại câu « Lãi nói không mất liền mua, lợi lợi mà nói cho vừa lòng nhau » cũng một ý ấy.

Câu « Tường lư phùng, bích lư nhĩ » nghĩa là « Tường có đường kẻ, vách có tai » đúng với câu « Đường có mạch, vách có tai »; đúng tức là tường đập bằng nan tre nan nứa, rồi chát đất chát vôi: hiện chốn hương ilon (hương gọi nan ấy là nan đường. Tục-ngữ tây cũng có câu « vách có tai » (les murs ont des oreilles).

« Một tờng thẳng tắp, chính » nghĩa là « gỗ theo giấy thì thẳng », tục-ngữ ta có câu « Lãi g mực Tàu, đau lòng gỗ » gần giống nghĩa nhau.

« Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác » nghĩa là « Chứa đều thiện thì gặp điều thiện, chứa đều ác thì gặp điều ác » đúng với câu tục-ngữ ta « Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ ».

« Bách nhẫn đường trung hữu thái-hòa » nghĩa là « trăm điều nhịn thì trong nhà có vẻ thái-hòa ». Nguyên Trương-công-Nghệ đời Đường, làm quan to mà chín đời cùng ở với nhau, Vua hỏi: « Nhà người làm thế nào mà có phúc

được như thế ? » Trương-công-Nghệ làm biểu tâu lên, trong biểu chỉ viết một trăm chữ « nhẫn ». Vì thế có điển-tích « bách nhẫn ». Tục-ngữ ta có câu « Một câu nhịn là chín câu lành » gần giống nghĩa ấy.

Quyển Minh tâm bảo giám có câu: « Dưỡng nam bất giáo, bất như dưỡng nữ; dưỡng nữ bất giáo, bất như dưỡng nam » nghĩa là « Nuôi con trai chẳng dạy, không bằng nuôi nữ; nuôi con gái chẳng dạy, không bằng nuôi lợn ». Phưong ngữ là có câu: « Nuôi con chẳng dạy chẳng răn, thả rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng », hai bên cũng giống ý nhau.

« Hiền phụ lĩnh phu quý » nghĩa là « vợ hiền khiến chồng được sang »; tục-ngữ ta có câu « Sang vì vợ » và câu « Gái ngoan làm quan cho chồng », mấy câu ấy nghĩa đúng nhau như đúc.

Cách-ngôn của các bậc thánh hiền Á-đông có câu « liêu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử, ngộ nghịch hoàn sinh ngộ nghịch nhi » nghĩa là « liêu thuận lại sinh con hiếu

thuận, trái ngược lại sinh đứa trái ngược ». Tục ngữ ta có câu « Rau nào sâu ấy » và câu « Giỗ nhà ai, quai nhà nấy » lại có câu ca-dao: « con vua thì lại làm vua con nhà thầy chùa lại quét lá đa ». Mấy câu ấy cùng một ý nghĩa.

« Chỉ đông - qua, mạ hồ - lộ » nghĩa là « Chỗ bí măng bầu » đúng với câu ca-dao của ta: « Xưa này ăn dâu ở dâu ? bây giờ có bí chỗ bầu rằng hỏi ».

« Độc mộc bất thành lâm » nghĩa là « một cây chẳng nên rừng » tục-ngữ ta cũng đúng như thế; lại có thêm một câu rằng: « Một cây làm chẳng nên non, ba cây sum lại nên hòn núi cao ».

« Tứ hải chi nội, giai huynh đệ » nghĩa là « Trong bốn bề đều là anh em », đúng với câu « Bọn bề trên là anh em » của ta.

Thục quả nghi bồi thụ, — Am hà dương tư nguyên » nghĩa là « Ăn quả nhớ gốc cây. — uống nước sông nên nhớ nguồn » đúng với câu « Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. — Uống nước nhớ nguồn » của ta.

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đại Học thư xã trình bày

Sắp bán: **VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**

của bà Mộng Sơn viết

— Một phương pháp phê bình mới lạ — Một tinh thần mới lạ — Một cây viết danh thiếp — Căn cứ vào biện chứng pháp, tác giả nghiên cứu về vấn đề phụ nữ trên thực trạng xã hội Việt Nam

Sắp xuất bản: **KHÔNG GIÁO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH**

VIỀC và SỐNG

ngaiáo-sứ của, Nguyễn uyên Diễm

của Nguyễn xuân Huy

Khái luận về tâm lý văn Học Hiện đại

Mới có bán:

MỆ TÔI

của Nguyễn khắc Mãi

Chuyện viết rất chọn lọc — Giá 3\$80

ĐẠI HỌC THƯ XÃ 181, Henri d'Orléans

Giám-đốc: LÊ-MỘNG-CAU

« Chung qua đảc qua, Chung đẩu đảc đẩu » nghĩa là « giống dưa được dưa, giống đậu được đậu » hợp với câu tục-ngữ của ta « giống cây chua ăn quả chua, giống cây ngọt ăn quả ngọt. »

« Kinh lão đảc tễ » nghĩa là « kinh già được sống lâu » câu này đã thành tục-ngữ ta, bốn ta lại có câu « kinh già, già đễ tuổi cho » cũng đúng nghĩa như thế.

Câu « Lữ đạo trí mã lực, sự cửu kiến nhân tâm » nghĩa là « Đường biết sức ngựa, việc lâu thấy lòng người » tục-ngữ ta có câu « Thửc lâu mới biết đêm dài, ở lâu mới biết con người có nhân » theo mặt chữ thì câu của Tàu với của ta hơi khác, của Tàu vì đường xa biết sức ngựa, của ta vì thửc lâu biết đêm dài, mà đều là nói về việc xem xét lòng người.

Câu « Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành » nghĩa là « giữ miệng như miệng bình, phòng ngừa ý tứ như thành », so với câu tục-ngữ của ta « có mồm thì cấp, có nắp thì đầy », tuy mặt chữ khác nhau, đều là ý dạy người phải cẩn thận khi nói ra, chữ « cấp » của ta nghĩa là cấp lại.

« Bảo oán sinh dâm dục, co hàn khởi đạo tam » nghĩa là « no ấm sinh dâm dục, đói rét sinh lòng ăn trộm » : Hai câu này đúng với hai câu tục-ngữ ta « ăn no rục mỡ — đói ăn vụng, túng làm càn ».

« Đối tr phu cầm » nghĩa là « Đối với con lừa mà gầy đàn » cũng như câu « Đan cầm mà gầy tai trâu ».

« Viễn thân bất phục cận lân » nghĩa là « Họ hàng ở xa không bằng láng giềng ở gần », hợp với câu « Bán anh em xa mua láng

giếng gần » của ta

Bang duệ hương » nghĩa là « Con cò con trai cần giữ nhau, rồi người đánh cá được lợi » câu này đã thành tục-ngữ ta, tiếng của ta chỉ có câu ca-dao : « Con cò mò con trai, con trai nhái con cò », chữ không nói đến chuyện người đánh cá được hưởng.

« Nhân thời bất thiên hương, cấp thời bất phát cươ » nghĩa là « Lữ nhân bằng dốt hương lữ cấp thì ốm chân phát » cũng như câu của ta « có sự thì vãi tứ phương, vô sự thì hương không mất ». Chữ câu nói của Tàu ốm chân phát, câu của ta nói vãi tứ phương, mặt chữ khác nhau, nhưng ý nghĩa giống nhau, tục-ngữ Tàu có nhiều câu so sánh với như thế, vì theo mục-dịch « Ôn cổ tri tan », nên không phải dùng từng chữ.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

1) Bài này nói cả về tục ngữ Tây, nên tôi bao tại ngay vào đây câu dưới này để đọc giả xem cho rõ nghĩa : « Les préceptes insérés sur les monuments publics en Attique étaient si nombreux que Platon disait que c'était un excellent cours de morale de traverser cette contrée. Les Apophtegmes de César les œuvres morales de Plutarque montrent le même goût des proverbes. » (L'antiquité classique). Quelques uns ne goûtent que les apophtegmes des anciens, et de exemples très des Romains des Grecs, des Egyptiens » (La Bruyère). « Les médecins nous enseignent que ces fautes complications de symptômes et de maladies qui découragent le malade et démentent si souvent le raisonnement sont leur source dans les plaisirs » (Bossuet). On peut appeler la déflation que Platon a donnée du plaisir et de la doctrine un excellent apophtegme de psychologie » (L'harmonie). « Les propositions universelles, connues par elles-mêmes s'appellent axiomes ou premiers principes (Bossuet). Les définitions des choses sont de véritables propositions qui ont besoin d'être prouvées, à moins qu'elles ne soient claires d'elles-mêmes comme des axiomes » (Port

Royal). « Nul axiome n'a jamais été plus universelle que celui-ci : Rien ne se fait de rien » (Voltaire). « Toutes les bonnes maximes sortent du monde, on ne manque qu'à les appliquer » (Pascal). « Le mépris que nous méditons n'avait inspiré pour les mœurs les maximes et les préjugés de mon siècle, me rendait si sensible aux railleries de ceux qui les avaient et j'écrasais leurs petits mots avec mes sentences » (Jean Jacques Rousseau). « Un proverbe bas est relégué par le commun des hommes plus aisément qu'une maxime noble » (Voltaire). « Les seules sont les proverbes des honnêtes gens comme les proverbes sont les seules du peuple » (Bouhours). — C'est comme disant d'opophtegmes et de bons mots que Fgaro dit : quand on cède à la peur du mal on ressent déjà le mal de la peur... et tous les adages de cette espèce (L'harmonie). « De là est venu ce bel adage de morale, si rebattu par la logique philosophique, que les hommes sont partout les mêmes, qu'ayant partout les mêmes passions et les mêmes vices, il est assez inutile de chercher à caractériser les différents peuples » (Jean Jacques Rousseau).

H. P. thư

6. Đầu tiên Siquan đã hạn định thư 2 n cứ giữ ra, sẽ xem, cảm ơn

Đã có bán :

NHÀ BÈN KIA

của Đỗ Hữu Thụ giá 0\$65
bản thảo và văn xuôi

TỬ MÔ

do Lê-Thành viết giá 0\$100

FM LÀ GÁI BÈN

SONG CỬA

chủ Lưu Trọng Lư giá 1\$5
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào Trinh Nhất giá 2\$10
Khảo-cứu về

TIẾNG VIỆT NAM

của Trà-Ngân giá 2\$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương Ngã giá 3\$00

KIM TỰ THÁP

của Phan Quang Định giá 2\$

NỬA ĐÊM

của Nam Cao giá 1\$00
Nhà xuất bản Cộng Lực
N° 9 Rue Takou - Hanoi

Xét việc làm ruộng...

Tiếp theo (trang 17)

Tua rau thì mặc tua rau
Mẹ già, ruộng ruộng, không thua bận
diễn.

hi-vọng lúa có bông to:

Muốn cho lúa này bông to,
Cày sâu bừa kỹ phân do cho
nhiều.

hi-vọng được mùa:

Phận hèn bao quản nắng mưa,
Cày sâu bừa kỹ được mùa cá phen,

hi-vọng có bồ trong, bịch ngoài:

Bởi anh chăm việc nông công,
Cho nên mới có bồ trong bịch ngoài,

hi-vọng có cái ăn:

Tuần mùa lúa tốt đang đang,
Tháng 10 gặt lúa ta đã đầy nhà.

Bao giờ cho đến tháng mười,
Lúa tốt bời bời nhà đi người no

hi-vọng có cái nuôi mẹ:

Vải trời cho lúa đỏ auôi,
Anh gặt em mót về nuôi mẹ già.
hi-vọng có cái để đóng thuế,
đóng sưu:

Sang năm lúa tốt liền nhiều,
Em đem đóng thuế đóng sưu
cho chồng.

hi-vọng có cái để tròn chữ hiếu
trung:

Một mai gặt lúa đem về,
Thờ cha kính mẹ nhiều b
hiếu trung.

Ước ao thế, nhà nông thực
cũng đã hiểu cái cốt yếu của con
người ta đó. Không những thế, họ
còn có những tính tình cao
thượng hơn:

Đói no có thiệp có chàng,
Còn hơn chung đỉnh giàu sang
một mình.

Nhiều khi các bạn thành thị về
chơi cứ khuyên dụ nhà nông ta ra
tỉnh mà hưởng bao cái sướng vật-
chất khác nhưng nhà nông tỏ ý
không thích:

Ái đi đường ấy mặc ai,
Ta về cày ruộng giồng đôi ta ăn.
Đỉnh chang là m'eng nợ nần,
Hay chỉ bó buộc mà l'ên lư g vào.

Mưa xuân phơi phới vườn hồng,
Ta về đắp đất ta giồng lấy cấy.

Giồng cấy cây mồng ngày có quả,
Can chi mà phải vất vả h'ư đi,

Long-dong nay ngược mai xuôi,
Đỉnh chang là m'eng trên đời h'ư chi.

Ái giầu thì m'ic ai giầu,
Tở về nhà tở h'ại đầu quần l'âm.

Tở ch'ận tâm l'ấy tở tở d'et,
May áo quần khỏi rét ai ơi!

Tham chi tâm áo của người,
Họ cho tở m'et lại d'oi l'ấy ngay.

Đối với nhà nông, hi-vọng là mẹ
thành công đó, mà tin tưởng lại
là cái mối ai h' cho biết bao cái
thất vọng:

Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó nhọc, có ngày ph'ơng lưu.

Công l'ành ch'ang q'ản l'ên l'âu,
Ngày nay nước b'ực, ngày sau

cơm vàng.

Một mai lúa chín đầy đồng,
Gặt về đập sấy b' công cấy cày.

Anh ơi! có chi canh nông,
Chia phần ta cũng giữ trong 8 phần.

Can gì để ruộng mà ng'ân,
L'om ruộng l'ấy lúa ch'ăn tâm l'ấy tở.

T'âm có lúa, ruộng có mùa,
Chăm làm, giới cũng a'ên bù có khi.

« Giới cũng a'ên bù », bốn chữ
ấy rõ cái tin tưởng của nhà nông.

Bởi thế nhà nông tuy phải làm
việc vất vả nhưng vẫn vui vẻ như
trên đã nói, lúc nào trong tâm
cũng thanh thoi, chẳng vậy mà
mỗi khi ta được dịp rảnh về chốn
thôn quê cuoi, ta thường được
nghe những câu:

Hỡi cô gánh cỏ bên đồng,
Đề tôi gánh đỡ cùng chung một nhà.

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm hai.

Cỏ còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt cỏ làm đôi vợ chồng.

Cô kia yếm trắng l'oa l'oa,
Lại đây đắp đất giồng cà với anh,

Bao giờ cà chín cà xanh,
Anh cho một quả để dành mà
chơi (1).

Có kia đi đường với ta,
Giồng đậu đậu tốt, giồng cà cà sai.

Có kia đi đường với ai,
Giồng bông bông h'eo, giồng khoai
khoai hà

và vân vân.

Những câu các cô thợ cấy, một
lúa, gánh cỏ, cùng những câu các
bác thợ cày, gieo mạ, hát đùa nhau
ấy rất nhiều tỏ ra rằng các nhà
nông ít khi buồn bã sầu tủi, có
chẳng thì cũng chỉ than vãn
qua loa:

Cực lòng thiếp lắm chàng ơi,
Kiếm nơi khuất liệch thiếp ngồi
thiếp than,

Tham vì cày lúa lá vàng,
Nước đầu mà tưới nó ho'àn như xưa!
Trông trời ch'ang thấy trời mưa
Lan khô h'ệ h'eo th'âm chưa!
Ông trời?

Một mình vừa trồng vừa gieo,
Không ai tát nước đỡ nghèo
một phen.

và phàn nàn:

Bây giờ gặp phải hồi này,
Khi thời hạn hán, khi hay mưa r'ầm.
Khi thời gió bão ầm ầm,
Đồng điền lúa thóc mười phần
được ba,

Lấy gì đ'ang nạp nữa mà,
Lấy gì công việc nước nhà cho đ'ang,
Lấy gì sựn thuế ph'ép thường,
Lấy gì bỏ chợ đ'ong l'ường làm ăn.
Nhưng rồi họ lại tự yên ủi:

« Có cấy có trồng, có giồng có ăn. »

Tóm lại, cứ những câu ca-đạo
mà tôi vừa kể trên, ta có thể biết
rằng việc làm ruộng tuy có vất vả
nhưng người làm ruộng vẫn vui
vẻ làm đầy đủ bốn phần một tên
dân nước.

KHÁI-SINH
Dương-tự-Quán

1) hoặc « muối dưa »

KẺ SĨ CỦA THỜI XƯA

(Tiếp theo trang 5)

« Ai ơi, chớ lấy học trò

Dài lưng lốn vải ãn no lai nằm

Mùa đông rồi rệp cắn cắn,

Đi cấy được ba mươi sáu đồng kẽm
về, nó lại nằm nọ ăn ! »

Cô bạn gái có thẹn cảm với kẻ
sĩ đã từng can ngăn chị em nhà
dừng bắc chi mai mùa mưa
« mới hờ rãng lạnh » khiến tủi
lòng ai hôm sớm, nên đã hiệu
nhờt giảng giải :

« Hay nằm thời cổ võng đào

Dài lưng thời có áo chạc nhà vua

Hay ăn thời có thóc kho

Việc gì mà chẳng ãn no lai nằm »

Can ngăn thì can ngăn, nhưng
người hiền phụ đã từng vì chồng
nuôi bao hi vọng cao xa, đã từng
ấp ủ biết bao mộng đẹp mê hồn,
những tưởng một mai võng lọng
rợp giới cho bố những lúc phong
trần, thấy chồng chủ là anh đồ
tháng ngày những thơ cùng phú
sống tâm gửi vào thân bồ liễu
nên phải giải lời than vãn :

« Anh ăn, rồi anh lại nằm

Làm cho thiếp phải quanh năm lo
phiền

Chẳng tha lấy chủ lực điền

Gạo bỏ thóc giống còn phiền nỗi chi »

Thấy chồng leo đèo theo đuổi
cái mộng công hầu mà hết khoa
ấy sang khoa khác tốn bao công

gong lều, ống quyền, không vắn
hoàn không, người vợ đắm đuối
chép miệng thở gài mà thốt nên
lời tuyệt vọng :

« Chẳng nên cơm cháo gì đâu

Giờ về đất bãi giống dầu chấu tằm »

hoặc d ý nghên bả g

những lời chua chát :

« Văn thi phú lục chẳng hay.

Giờ về làng từ học cày cho xong

Ngày ngày vác quốc thăm đồng

Hết nước thì lấy gầu sông tát lên »

Thật không gì vui cho tằm Lồn

kẻ sĩ bằng những lời gay gắt ấy !

Thật không gì đau lòng cho bố

gia lữ thời phải đem mình là cái

dịch để chịu những lời chằn

biếm : « nhất sĩ nhì nông hết gạo

chạy rong, nhất nông nhì sĩ » !

Cho hay khoa cử xưa đã đem

lại bao vẻ vang cho kẻ sĩ gặp thời

nhưng cũng đã làm phen dày vò

hành hạ những kẻ vô duyên với

băng vàng hia mũi, phải suốt đời

ôm hận lữ thời, chôn vùi chí khí

của tuổi anh niên, sống âm thầm

trong túp lều tranh vách nát mà

mơn mỏi với tháng ngày.

Vận mệnh của kẻ sĩ thời xưa

đi liền với chế độ khoa cử cũ.

Mà sự tình cờ của lịch sử đã chôn

vùi chế độ ấy trong vực thẳm của

thời gian, nên phần đông kẻ sĩ

cũng đành xếp bút nghiên mà than
phẫn cho cuộc văn chương đã
đến khi tàn,

« Cái học nhà nho đã hỏng rồi

Mười người đi học, chín người thôi »

hoặc

« Nào có ra gì cái chữ nho »

Ông Nghè ông Cống cũng nằm cò

Sao bằng đi học làm thầy phạm

Tối rêu sấm banh, sáng sửa bờ »

(Tú Xương)

Vì thế mà cái cảnh vinh

quy bái tổ, trống rong cờ mở,

với « ông anh đi trước, vồng

nàng đi sau » đã từng làm nô

nức biết bao lẽ anh tài nay

chỉ là những « vang bóng »

của lịch sử mà chúng ta mỗi

khi nhắc tới không khỏi mỉm

cười cho những ngày qua.

PHẠM MẠNH PHẠM

1) Sách báo tham khảo,

Trong quẻ Hâm : Le coï s d'hi

tolred Aunem—Quốc văn trieb diêm

Nguyễn van Ngoc : l'uc ogit ou dao

— Na n thi hup tuyen, — Phà nout

Phạm Quỳnh : Le paysan toi kluqit

à travers le parler populaire

— Khai trí tiến đức tập san số 2 và 3

(1941).

Đại Việt tạp chí số 13 (Avril 1941)

2) Vô danh : Lao đệ tự chào pho

3) Tú xương : bài phú hồng thi

Đã có bán

NGÔ VƯƠNG QUYỀN

Lịch sử Kỳ sự một của TRẦN THANH MẠI

Những giai-đoạn oanh-liệt ly - kỷ trong đời một vị đại anh-hùng
việt nam - Cuộc chiến đấu không ngừng của thiện với ác...
cũng là sự gieo-vãi mầm độc lập đấu lên cho tổ quốc Việt

Nam - Bài lịch đánh quân Nam hán-Trần Bạch đằng giang

Sách dày 250 trang. Giá 4\$80

TÂN VIỆT - 29 - LAMBLLOT - HANOI

Còn một ít

Vương đương Minh - 13\$80

Nguyễn văn Siêu - 2\$90

Truyện di thường quyền II - 4\$50

Chính trị đại cương - 3\$70

Triết học Des arles - 4\$50

Sắp phát hành

Hát dặm Ngạc Thị của 43 đấng Ch

Thơ Đỗ Phủ bản đ ou của Nhà xữg 46 đ

TIẾNG VANG CỦA NƠI CAO, RỪNG THẳM

Số 2

NHẬT-NHAM

Một người con giai nghèo đi
rừng kiếm củi, trải nhiều nỗi đắng
cay chua xót, tự thốt ra mấy câu
sau này để than thân trách phận:
*Khóm lai thân xấu, lệ lợc rướn
giấu
Thân bạn lệ lợc rướn khổ.
Kin khâu giá, co bầu đầy đủ
đai
Kin ngái bầu đầy đủ pấu đơ
Mự mự phắc pạ khâu đồng lấu
pau quang
Mự mự phắc pạ khâu đồng
ngoang pau nạn lơ đơ,
« Người ta cũng một kiếp
người,
Giàu sang nhàn-hạ, sao tôi thế
này?
Nghèo nàn cơ-cực lắm thay!
Ăn rồi vác củi cả ngày trên vai,
Bạn sơn-dương, bạn hươu nai,
Hề rời dao búa, chẳng ai đỡ
đần ! »*

Trong các công việc: nông-tang,
người thợ cũng có nhiều câu hát
để quên những sự nhọc-nhân:

Câu hát gặt lúa

*Xuân thâu xâu va goàng rồi
xâu,
Quần hây khai phim hạp dân
hùi
Nhật om dân hùi chả pủ muội,
Sì dún tòng lấu vàng tòng hùi
« Ngày ! mùa lúa đã chín rồi,
Cùng nhau đi gặt đồng người
cho vui,
Bây giờ giờ đã tới rồi,
Hồi có thiếu-nữ cùng tới ra về. »*

Khi gặt xong, đem lúa về nhà,
mừng công khó nhọc đã được kết
quả tốt đẹp, cùng nhau rượu chè
hát xướng, vui vẻ
*Vũ cóc vui thoảng tìm goản
hạy goàng rồi,
Nhắm tlu sàng goản sàng.
Ấy mừng goàng rồi sàng thủng
tới,
Hoác rồi gin giàng màn nín
on.
« Mừng nay thóc lúa đầy nhà,
Cùng nhau uống rượu, xướng
ca vui cười,
Mong cho giai gái đủ đôi,
Lấy nhau cho được chọn đời
cùng nhau »*

Hằng ngày, cơm sáng xong, rú
nhau đi nương, trèo đèo lội suối,
vất vả mới tới nương. Ước gì
được một khách tri-âm để chia-
xẻ nỗi ngọt bùi:

*Gia pua than chứa sắt mần,
lều lịu hoàng
Lều phàm sều vắn, púa phin,
Giời giới xầu phỉu xuón
Hải kiếm mai ên phỉu xuân
tồng lao puối*

« Ở nhà cơm sớm đi nương
Nỗi buồn ai biết đoan-trường
cho chăng ?

*Ước gì được khách tri-âm,
Cùng nhau ta sẽ ra tâm vun
giồng. »*

Vào rừng, chặt cây, đẽo gỗ,
dùng trâu kéo về làm cột, người
thò cũng có câu hát để phấn khởi
làm cho đến nơi, đến chốn:

*May lóng lạng đồng lương đủ
ngáy,*

*Thong lá chẳng véc khoan đay
lống hăm.*

*Liền hăm đi liền đẹo hũa ngay,
Chẳng pây ầu po vãi đay má
lạc.*

*Lạc may lạc lạng cốc pay ngay,
Lạc má thưng lươn đay là vay.*

(« Cây to đứng thẳng trong rừng,
Vác riu lên đẵn đã từng ai lay.
Đẵn xong ta đẹo cho ngay,

Các bạn muốn biết thân thế và sự nghiệp
Lê quý Đôn một ngôi sao chói lọi trong văn học,
một sử gia danh tiếng đời Lê, hãy đón coi:

ÔNG BẢNG LÊ QUÍ ĐÔN

của TIÊN-ĐÀM

Sách in đẹp, sẽ ra cuối tháng Juin.

Vì giấy khan nên số sách in có hạn, giá 1 \$ 20,
các bạn đọc, các ngài đại lý xin viết thư về đặt
trước. Ở xa xin chịu tiền cước 0 \$ 30 một cuốn.

Ngân phiếu, thư từ xin đề cho:

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

121, Chancelme — Hanoi

Kéo về phải dựng trâu cày mới nên.
Kéo gỗ gốc đi đầu trên,
Đem về đụ: để làm nên cột kèo. »)

Người con gái nuôi lằm, đi
sang làng hái dâu, hát bài sau
rày:

Đêm khuya thanh vắng, tiếng khuya
mây

Em ở đường xa về hái lá cây
Em ở đường xa về hái lá
Ơn tình bằng hữu vác cầu mây.

Trai, gái đương tuổi xuân nò
đùa vui vẻ, thường khuyên nhau
chơi xuân kéo hết xuân đi.

Chơi xuân lưu luyến rịn rịn mùa,
Nà quần cầm rặng cần thế khua
Nà quần cầm rặng cần thế chàng
Ngân chén pác pêng tậu cầm khua

(Trai gái chơi xuân vốn có thì,
Chẳng quản điều chi người đời cười
Chẳng quản điều chi người đời nói
Tiền bạc trăm nén không mua
được tiếng vui đùa)

Đầu năm, được ngày giờ lành,
xuất hành để cầu lộc, cầu danh:

Đầu năm xian thủ nguyệt hoa chanh,
Trạch đầy vắn đầy pây xuất hành
Trạch đầy vắn đầy pây chơi lưu
Nhất mà cầu lộc nhì cầu danh

Là n rề cũng lằm công phu, nên
phương-ngôn Thổ có câu:

Nà mu nà ma chẳng đầy cầm khua
lục thau: mặt lợn, mặt chó mới
được cầm chân con gái người ta.

Bài mừng đám cưới:

Nhất chiều mừng dạ dạ nhà sang,
Đời đời Nghiêu Thuân đặt giao lòng
Ó ơ đón, bà đưa xe riềm riềm

(Ông dõu bà đưa, xe giá có vẻ
khoan thai)

Quỳnh tương giao chén thắm vui
mừng

Đêm khuya thanh vắng vắng canh
phân

Chiêu Hà làm bạn với Chiêu-Quân
(ông Chiêu-Hà về bạn với Chiêu-
Quân)

Chiêu-Hà mà bạn đuổi Hàn-Tin

(ông Chiêu-Hà về bạn với Hàn-Tin)
Nà nhẹ tá Chiêu Hà pây lín xuân
(Chẳng nhẽ bỏ ông Chiêu Hà mà
đi hái lươn)

Những câu ca dao, tục-ngữ trên
cho ta một quan-niệm: dù kinh,
dù Thổ, tuy nơi giống có khác,
ngôn-ngữ bất đồng, nhưng cùng
chung một tình-tình, một tư-tưởng
do hoàn-cảnh, do cuộc sinh-hoạt,
do phong-tục làm cho phát-triển.

(Hết)

NHẬT-NHAM

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất-bản một giai-phẩm về mỹ-thuật

CROQUIS TO-KINOIS

của Họa-sĩ HẠNH-QUYÊN

là một tập tranh vẽ thủy-mạc về phong-
cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc

Tập này khổ 26x32, có 20 bức in lên thứ
giấy nhung Thảng-Lông chổ riêng tại hãng
Nguyễn quý Kỳ (làng B. rởi), in m. m. , tờ
rời, dựng trong kiểu bìa hộp rất mỹ-thuật,
do họa-sĩ tự khắc gỗ in tay, rất công-phu.

In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40\$ 00
cước 2p 00



Gửi giấy mua và mandat tới địa-chỉ hân-
hội, 6 đường P. Pasquier giấy nói số 628
(Hanoi),

« Có gửi bàn và bán tại G. M. R. Taupin và
IDEO, Hanoi. »

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

Lược-luận về PHỤ NỮ VIỆT-NAM

Giá 2\$50

cuốn sách gối đầu giường của các bà, các cô, giá đi là
nào cũng phải có.

LỊCH-SỬ BẢO-CHI Giá 2\$00

NGHỆ-THUẬT và DANH-GIAO 2 50

VIỆT HOA THÔNG SỬ SỬ LƯỢC

Giá 5\$00

Các học-giả, các nhà luận tâm khảo văn-hóa đều phải đọc

TÂN HIẾU KINH Giá 1\$20

có chữ Hán, cuốn sách cần đọc cho hết thấy các gia-
đình, các học-đường, các giáo dục-tư,

Sắp phát hành

Luận lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

ai muốn hiểu thấu khoa Luận lý học và thực hành môn

Du thuyết đều phải đọc cuốn sách này, gồm tinh

hoa của khoa Luận lý, du thuyết Đông, Tây, cổ kim

Thư để cho: M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »



= HÀN THUYỀN =

25 Juin có bán

VĂN HỌC

HÀN THUYỀN

KHÁI-LUẬN

71 Tiên Tsin

HANOI

Soạn giả: ĐẶNG THAI MAI

Văn học là gì các nhà văn sáng tác phải theo những nguyên tắc gì? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao? Nhiệm vụ của nhà văn là gì? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không? Văn chương có cần phải giữ cốt lĩnh quốc gia không? Những thuộc-lĩnh của một văn phẩm kiệt-tác là những gì?

ĐÃ CÓ BÁN

XÃ HỘI VIỆT-NAM

của Lương Đức Thiệp

Dày hơn 400 trang — Giá: 8\$50

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LU'ỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh, tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$90 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LINH Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán:

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in:

ĐỜI ĐOÀN THÈ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 JUILLET 1914, xin trừ 20%. cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư từ tiền nong xin đề:

Đ. Nguyễn văn Minh

Hiệu Quảng Vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 — Doumer — Hải-Dương Kinh môn phố Yên Lư

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 février 1914 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi